



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
Trao chất lượng - Giữ niềm tin



EVNTPC BA RIA



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA



BÁO CÁO **THƯỜNG NIÊN** **2020**



Khu phố Hương Giang, phường Long Hương,
thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.



02542. 212 811



www.btp.com.vn



02543. 825 985

MỤC LỤC

Thông tin chung

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Thành tích đạt được trong năm
- Ngành nghề kinh doanh
- Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức
- Định hướng phát triển
- Rủi ro

Tình hình hoạt động trong năm

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư chủ sở hữu
- Tổ chức và nhân sự

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021
- Kế hoạch phát triển trong tương lai



Báo cáo của Hội đồng quản trị

- Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- Kế hoạch định hướng của HĐQT

Báo cáo Phát triển bền vững

- Định hướng phát triển bền vững
- Mục tiêu cụ thể
- Sử dụng nguồn năng lượng hiệu quả
- Phát triển nguồn nhân lực
- Trách nhiệm xã hội
- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường
- Đóng góp nổi bật

Quản trị công ty

- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Báo cáo tài chính

- Báo cáo Kiểm toán độc lập
- Bảng Cân đối kế toán
- Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh Báo cáo tài chính

01

THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Thành tựu và giải thưởng
- Ngành nghề kinh doanh
- Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro





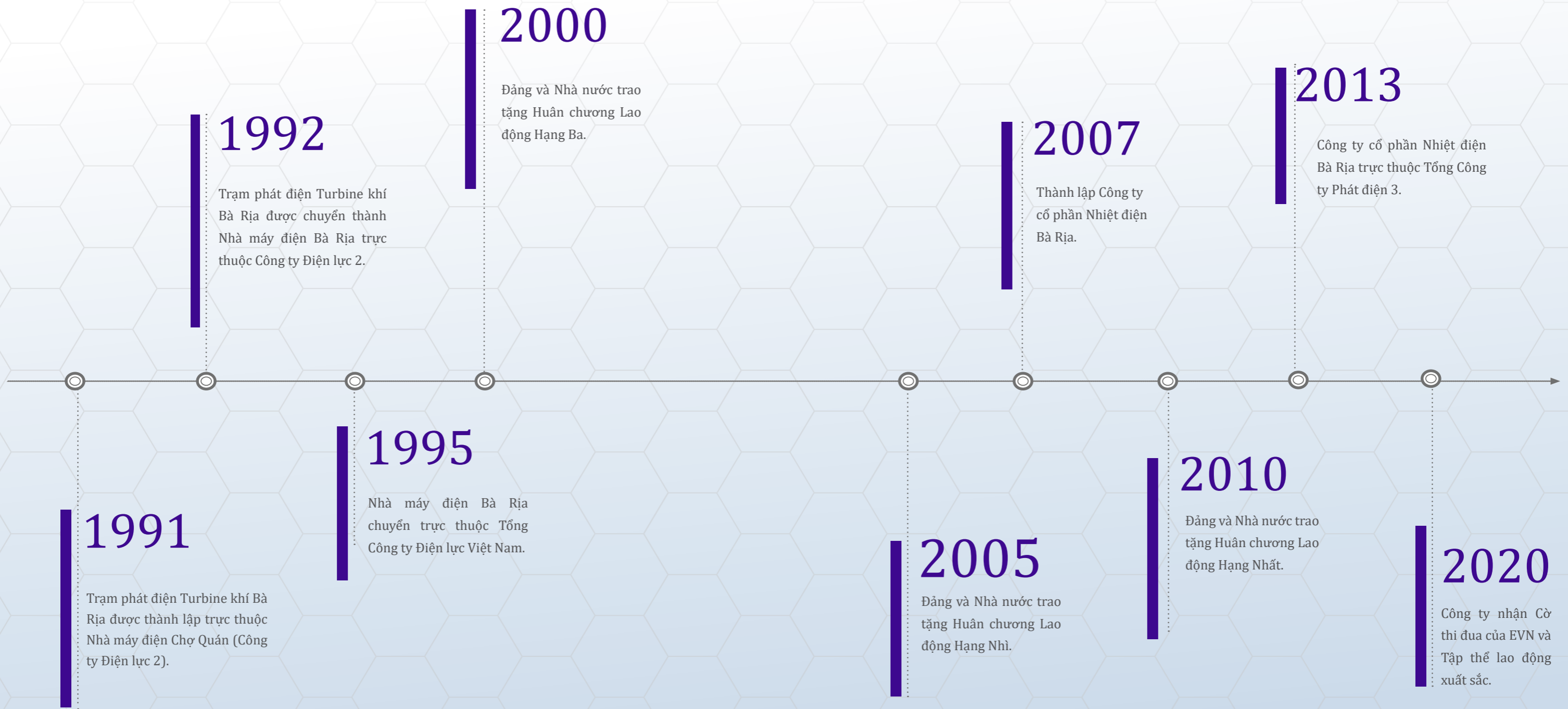
THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

Giấy CNĐKDN số:	Số 3500701305, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 1 tháng 11 năm 2007; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất thứ 6 cấp ngày 3 tháng 7 năm 2019.
Vốn điều lệ:	604.856.000.000 đồng.
Địa chỉ:	Khu phố Hương Giang, phường Long Hương, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Số điện thoại:	02542. 212 811
Số fax:	02543. 825 985
Website:	www.btp.com.vn
Mã cổ phiếu:	BTP

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



THÀNH TỰU VÀ GIẢI THƯỞNG

Năm 2020:

- Công ty được nhận Cờ thi đua của EVN và Tập thể lao động xuất sắc.
- Công đoàn Công ty được nhận bằng khen của Công đoàn Điện lực Việt Nam.
- Tập thể Công ty được nhận 01 Bằng khen của Ủy ban Quản lý vốn; 01 Bằng khen của EVN; 02 Giấy khen EVN-GENCO3; 04 Giấy khen tập thể lao động xuất sắc; 18 Giấy khen Tập thể lao động tiên tiến.



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

STT	TÊN NGÀNH
1	Sản xuất và kinh doanh điện năng; Quản lý vận hành bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm hiệu chỉnh, cải tạo thiết bị điện, các công trình điện, các công trình kiến trúc nhà máy điện;
2	Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
3	Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại và dịch vụ liên quan đến công việc chế tạo kim loại;....
4	Lập dự án đầu tư xây dựng; Quản lý đầu tư xây dựng, giám sát thi công công trình dân dụng và công nghiệp, thi công lắp đặt các công trình công nghiệp;
5	Cho thuê thiết bị, tài sản cố định, phương tiện vận tải;
6	Vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải bốc dỡ hàng hóa;
7	Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng;
8	Sản xuất nước cất, nước uống đóng chai.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC



CÔNG TY LIÊN KẾT, CÔNG TY GÓP VỐN:

- Công ty liên kết: Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn
- Công ty góp vốn: Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
- Công ty góp vốn: Công ty cổ phần Phú Thạnh Mỹ
- Công ty góp vốn: Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Đảm bảo vận hành các tổ máy phát điện an toàn- liên tục- kinh tế, phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra.
- Thực hiện tốt kế hoạch sửa chữa, cải tạo, nâng cấp máy móc thiết bị, nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị đáp ứng nhu cầu điện năng của Hệ thống điện quốc gia.
- Đảm bảo quyền lợi và giá trị cho cổ đông, nhằm mang lại lợi ích lâu dài cho cổ đông.
- Tạo môi trường làm việc an toàn, hiệu quả, đảm bảo việc làm ổn định cho người lao động, quan tâm đời sống vật chất lẫn tinh thần.
- Đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến khoa học kỹ thuật áp dụng vào thực tiễn sản xuất; chú trọng đào tạo và phát triển nguồn lực có trình độ, chất lượng, có tác phong công nghiệp và kỷ luật cao.
- Tập trung chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tiết kiệm, hiệu quả, an toàn trong thị trường phát điện cạnh tranh.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tập trung nguồn lực, phát triển ngành nghề kinh doanh chính và phát triển các loại hình dịch vụ khác. Tiếp tục đầu tư, cải tạo, nâng cấp máy móc thiết bị.
- Đầu tư tài chính dài hạn và ngắn hạn để sử dụng hiệu quả nguồn vốn.
- Nghiên cứu thị trường điện nhằm đưa ra các định hướng, chiến lược phù hợp để tăng khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành khác.
- Mang lại cổ tức tốt cho cổ đông.
- Đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ, công nhân viên của Công ty có chuyên môn nghiệp vụ giỏi, đáp ứng được mọi yêu cầu công việc và có đạo đức tốt.

Các mục tiêu phát triển bền vững

- Cung cấp điện với nguồn nguyên liệu sạch, góp phần bảo vệ môi trường theo định hướng phát triển của Ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới, đảm bảo thực hiện phát triển năng lượng một cách bền vững.
- Thực hiện nghiêm chỉnh chương trình sản xuất kinh doanh gắn liền với giám sát và quản lý môi trường, thu gom, vận chuyển, xử lý các chất khí thải.
- Xây dựng tinh thần đoàn kết gắn bó giữa các cấp cán bộ lãnh đạo quản lý và nhân viên.
- Tích cực tham gia vào các chương trình an sinh xã hội của địa phương.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Trao chất lượng - Giữ niềm tin

- **Tầm nhìn**
- **Giá trị cốt lõi**
- **Sứ mệnh**
- **Khẩu hiệu**

- **Tầm nhìn**
 - Đơn vị sản xuất điện và cung ứng các dịch vụ, sản phẩm có chất lượng cao, an toàn, hiệu quả;
 - Thương hiệu uy tín;
 - Địa chỉ tin cậy khách hàng;
- **Giá trị cốt lõi**
 - Chất lượng- Tín nhiệm;
 - Tận tâm- trí tuệ;
 - Sáng tạo- Hiệu quả;
- **Sứ mệnh**

Đảm bảo cung ứng điện và dịch vụ đa dạng với chất lượng tốt nhất, làm hài lòng khách hàng;
- **Khẩu hiệu**

Trao chất lượng- Giữ niềm tin;

CÁC RỦI RO



Rủi ro kinh tế

Năm 2020 là một năm đầy biến động cho nền kinh tế thế giới bởi dịch Covid-19, nhiều ngành sản xuất lao đao, sức mua giảm, kéo theo đó là cả nền kinh tế đi xuống. Theo Tổng cục Thống kê, GDP năm 2020 của nước ta tăng 2,91%, với quý I tăng 3,68%; quý II tăng 0,39%, quý III tăng 2,62%, quý IV tăng 4,48%; và lạm phát được giữ vững ở mức dưới 4%. Tuy là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011-2020 nhưng Việt Nam là quốc gia duy nhất trong ASEAN và thuộc số ít quốc gia trên thế giới đạt mức tăng trưởng dương. Đây là điểm sáng đối với nền kinh tế Việt Nam.

Trong bối cảnh ấy, ngành sản xuất và phân phối điện vẫn tăng trưởng (tăng 3,92%) so với cùng kì, vì ngành điện là một trong những ngành ít chịu rủi ro bởi dịch bệnh. Tuy nhiên, các doanh nghiệp trong ngành cũng gặp nhiều khó khăn khi thực hiện nghiệp vụ sản xuất kinh doanh.

Vì vậy, Ban lãnh đạo BTP luôn theo sát và cập nhật liên tục tình hình kinh tế vĩ mô nhằm kịp thời nhận diện được các cơ hội lẫn thách thức để xây dựng kế hoạch phù hợp, đáp ứng nhu cầu sử dụng điện năng trong nước và đảm bảo được mục tiêu kinh doanh đã đề ra.

Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực điện năng, Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa sử dụng nguyên liệu đầu vào chính là khí tự nhiên và nguyên liệu dự phòng dầu D.O, chi phí nguyên vật liệu chiếm gần 82%. Vì vậy, tình hình sản xuất kinh doanh của BTP phụ thuộc vào việc cung cấp khí. Tuy nhiên, lượng khí cung cấp cho nhà máy ngày càng suy giảm. Vì vậy, để giảm thiểu rủi ro nguyên vật liệu đầu vào, Công ty đã chủ động dự trữ lượng dầu D.O để thay thế và đàm phán với các nhà cung cấp, nhằm đảm bảo Nhiên liệu đầu vào cho quá trình sản xuất.



Rủi ro môi trường

Công ty cổ phần nhiệt điện Bà Rịa là doanh nghiệp sản xuất điện bằng nhiên liệu khí và dầu D.O. Vì vậy, trong quá trình sản xuất sẽ thải ra khí thải (SO₂, CO, NO_x,...), nước thải,... Tuy nhiên, các thông số này vẫn đảm bảo tiêu chuẩn môi trường. Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về quản lý môi trường; đồng thời luôn chú trọng trong việc xử lý và phân loại rác thải để không làm ảnh hưởng đến môi trường. Từ trước đến nay, Công ty chưa có sự cố môi trường nào trong quá trình hoạt động.

Rủi ro pháp luật

Là một Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần, đã được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) và hoạt động trong lĩnh vực sản xuất điện năng, nên Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa đảm bảo sự tuân thủ của nhiều văn bản luật khác nhau như: Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Luật Thuế, Luật Môi trường... Vì vậy, Công ty thường xuyên cập nhật về việc bổ sung, sửa đổi luật, chuẩn bị kỹ lưỡng và tuân thủ nghiêm ngặt theo quy định của pháp luật để giảm thiểu rủi ro về thay đổi chính sách có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



Rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá sẽ phát sinh đối với công ty có vốn vay bằng ngoại tệ. Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa sử dụng vốn vay bằng đồng Won, nên việc thay đổi tỷ giá sẽ biến động lớn đến lợi nhuận của Công ty. Khoản chênh lệch tỷ giá đối với khoản vay ngoại tệ của Doanh nghiệp trong năm bao gồm khoản chênh lệch thanh toán cho phần ngoại tệ thực hiện trả nợ trong năm (khoản chênh lệch tỷ giá thực hiện) và khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư nợ khoản vay còn lại (chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện). Nếu tỷ giá ngoại tệ biến động theo chiều hướng gia tăng sẽ đồng thời gia tăng rủi ro tỷ giá đối với doanh nghiệp. Vì vậy, BTP vẫn phải đối diện với rủi ro này.

Rủi ro khác

Ngoài ra, trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty còn phải chịu các tác động khác như: thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, những biến đổi khắc nghiệt về khí hậu, vấn đề chính trị,... Đây là những rủi ro bất khả kháng có thể xảy ra, gây thiệt hại đến con người và tài sản. Vì vậy, Công ty đã lập ra các biện pháp dự phòng nhằm giảm thiệt hại đến mức thấp nhất do những rủi ro này gây ra.

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư chủ sở hữu
- Tổ chức và nhân sự



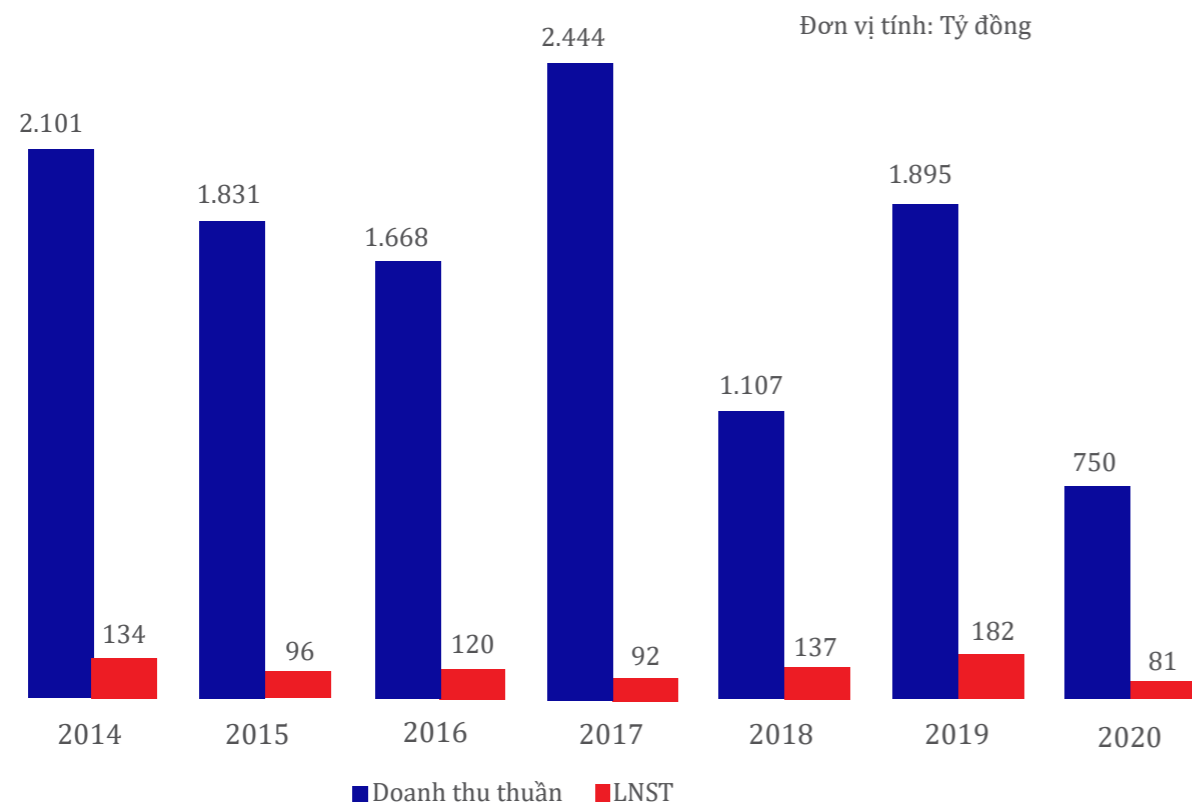


TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Cơ cấu doanh thu

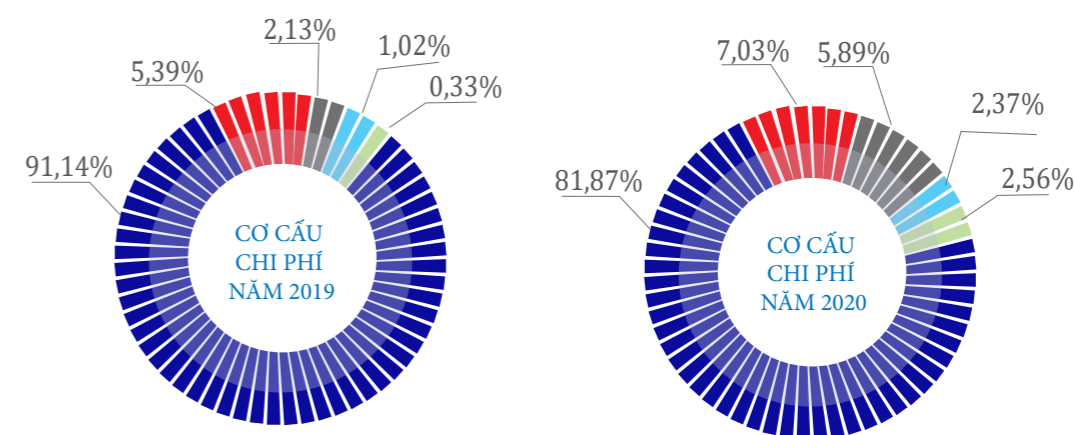
Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2019	TH 2020	KH 2020	TH 2020/2019 (%)	TH/KH 2020
1. Sản lượng điện sản xuất	Triệu kWh	841	277	892	32,95%	31,07%
2. Tổng doanh thu:	Triệu đồng	1.979.057	821.566	1.579.441	41,51%	52,02%
- Doanh thu sản xuất điện	Triệu đồng	1.889.251	745.455	1.523.338	39,46%	48,94%
- Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	84.108	71.130	52.293	84,57%	136,02%
- Doanh thu sản xuất kinh doanh khác	Triệu đồng	5.698	4.980	3.810	87,40%	130,71%
3. Tổng chi phí	Triệu đồng	1.755.169	724.875	1.447.241	41,30%	50,09%
- Chi phí sản xuất điện	Triệu đồng	1.735.816	682.457	1.421.491	39,32%	48,01%
- Chi phí hoạt động tài chính	Triệu đồng	15.468	39.228	22.526	253,60%	174,14%
- Chi phí sản xuất kinh doanh khác	Triệu đồng	3.885	3.189	3.223	82,09%	98,95%
4. Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	223.887	96.691	132.200	43,19%	73,14%
5. Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	182.423	80.930	105.760	44,36%	76,52%
6. Cổ tức (dự kiến)	%	11	11	11	100,00%	100,00%

Biến động kết quả kinh doanh của BTP trong giai đoạn 2014-2020.



Cơ cấu chi phí

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2019	Tỷ trọng 2019	TH 2020	Tỷ trọng 2020
1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	Triệu đồng	1.585.443	91,14%	561.129	81,87%
2	Chi phí nhân viên	Triệu đồng	93.751	5,39%	50.018	7,30%
3	Chi phí khấu hao tài sản cố định	Triệu đồng	37.001	2,13%	40.361	5,89%
4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	Triệu đồng	17.749	1,02%	16.274	2,37%
5	Chi phí khác	Triệu đồng	5.665	0,33%	17.579	2,56%
5	Tổng chi phí sản xuất	Triệu đồng	1.739.610	100,00%	685.362	100,00%



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Hoạt động đầu tư trái phiếu:

Đầu tư trái phiếu: Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh.

Trong năm 2020, tiếp tục bám sát các dự án đang triển khai đầu tư một số dự án nguồn điện mới, cụ thể:



Dự án Nhà máy điện gió Tiến Thành 3 - Bình Thuận

Đang chờ UBND Tỉnh Bình Thuận cấp phép đầu tư do vướng vùng đất chồng lấn dự trữ Titan; UBND tỉnh đã trình Thủ Tướng Chính phủ nhưng vẫn chưa được thông qua.



Dự án Nhà máy điện Bà Rịa 2

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã đồng ý chủ trương cho phép đầu tư xây dựng Nhà máy nhiệt điện chu trình hỗn hợp sử dụng khí hóa lỏng tại phường Long Hương (kế cận NM hiện tại). Hiện Công ty đã làm Hồ sơ và trình Bộ Công Thương xem xét bổ sung quy hoạch Điện lực Quốc gia.



Dự án điện gió tại Đắk Lắk

Hiện Công ty đã hoàn tất việc lắp đặt cột đo gió (đang thực hiện thu thập số liệu đo gió trong thời gian 01 (một) năm, kể từ 30/4/2020; đã trình Bộ Công thương xem xét quy hoạch điện lực Quốc gia.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2019	2020	% 2020/2019	% Tăng, giảm
1	Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	1.997.465	1.709.560	85,59%	-14,41%
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	1.894.822	750.177	39,59%	-60,41%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	223.761	96.574	43,16%	-56,84%
4	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	126	117	92,36%	-7,64%
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	223.887	96.691	43,19%	-56,81%
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	182.423	80.930	44,36%	-55,64%

Những tháng đầu năm 2020 tại Việt Nam, khi lệnh giãn cách xã hội thực hiện, các cơ sở kinh doanh, nhà máy đóng cửa tương đối nhiều, lượng tiêu thụ điện năng năm 2020 là 2,9%, giảm đáng kể so với mức 9% năm 2019. Kể cả khi dịch bệnh đã được khống chế cơ bản ở Việt Nam, thì việc các doanh nghiệp gặp khó khăn trong kinh doanh cũng tác động đến lượng điện năng tiêu thụ. Năm 2020, Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa ghi nhận doanh thu thuần là 750.177 triệu đồng, giảm 60,41% so với năm 2019, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt 96.574 triệu đồng, giảm 56,84% và lợi nhuận sau thuế đạt 80.930 triệu đồng, giảm 55,64% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do ảnh hưởng của dịch Covid-19 khiến cho nhu cầu phụ tải thấp và năm 2020 mưa nhiều nên sản lượng điện của các nhà máy thủy điện tăng mạnh. Điều này làm cho các nhà máy nhiệt điện gặp khó khăn. Là đơn vị chạy dịch vụ phụ trợ, nên nhu cầu điện hệ thống năm 2020 giảm ảnh hưởng đến sản lượng điện phát của Công ty giảm mạnh so với năm trước.

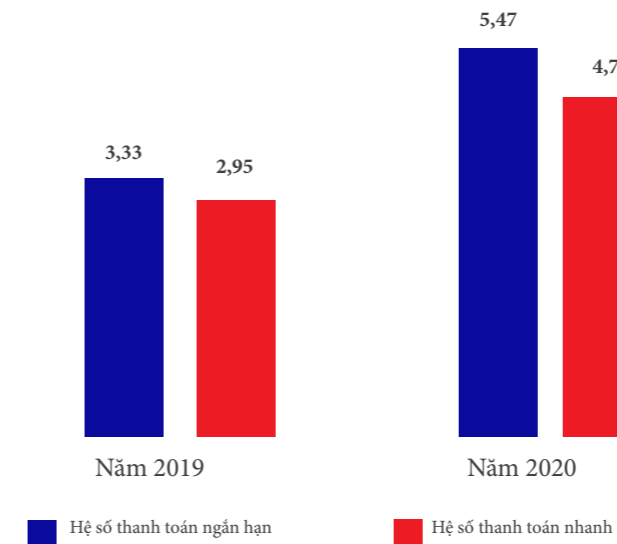
Nguyên nhân thứ hai là do sản lượng khí đốt khai thác trong nước đang suy giảm, lượng khí cung cấp cho BTP bị thiếu hụt. Điều này khiến sản lượng điện sản xuất và doanh thu bán điện của Công ty sụt giảm tương đối mạnh so với cùng kỳ năm 2019. Ngoài ra, do Công ty là đơn vị cung cấp dịch vụ phụ trợ của Hệ thống điện, vận hành theo yêu cầu của Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia, chủ yếu vận hành phủ đỉnh, nên sản lượng điện sản xuất năm 2020 giảm. Hàng loạt dự án năng lượng điện mặt trời liên tục đi vào hoạt động trong năm vừa qua cũng đã góp phần tác động đến điện sản xuất của BTP. Do tình hình dịch bệnh, nên sản lượng điện và lợi nhuận không đạt kế hoạch. Tuy nhiên, các chỉ tiêu khác đều đạt, nên Công ty vẫn đảm bảo mức cổ tức theo kế hoạch.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,33	5,47
-	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,95	4,70
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
-	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	38,56%	28,45%
-	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	62,75%	39,76%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
-	Vòng quay hàng tồn kho	vòng	11,12	4,63
-	Vòng quay tổng tài sản	vòng	0,97	0,40
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (ROS)	%	9,63%	10,79%
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	15,76%	6,61%
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	9,39%	4,37%
-	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	11,81%	12,87%

KHẢ NĂNG THANH TOÁN



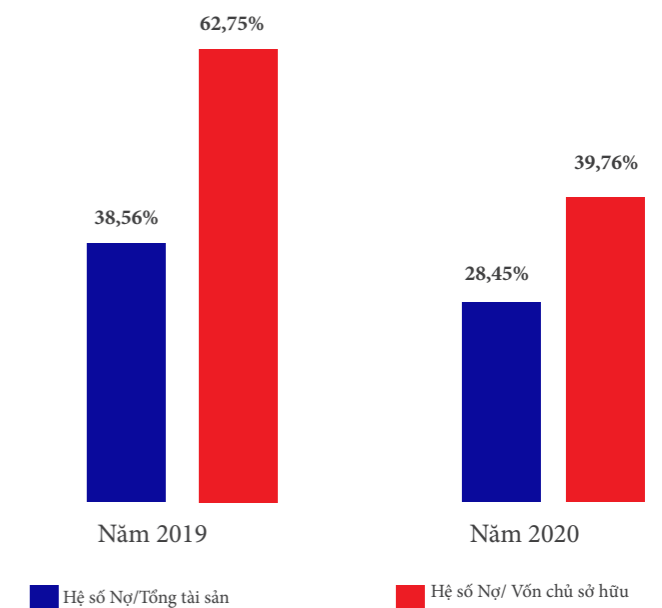
Về khả năng thanh toán:

Cả 2 chỉ tiêu về khả năng thanh toán trong năm 2020 đều tăng so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, chỉ tiêu về khả năng thanh toán ngắn hạn tăng từ 3,33 lần lên 5,47 lần; và hệ số thanh toán nhanh tăng từ 2,95 lần lên 4,70 lần. Nguyên nhân chủ yếu của sự gia tăng trên là do tốc độ giảm của tài sản ngắn hạn giảm nhanh hơn so với nợ ngắn hạn. Cụ thể là tài sản ngắn hạn giảm 515.678 triệu đồng, tương đương với mức giảm 38,62% và nợ ngắn hạn giảm 251.584 triệu đồng, tương đương giảm 62,67% do khoản phải thu ngắn hạn từ khách hàng giảm 540.419 triệu đồng, chủ yếu là đến từ Công ty Mua bán điện giảm. Mặc dù trong năm vừa qua Công ty gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19, song Công ty vẫn đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ.

Về cơ cấu vốn

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty năm 2020 giảm mạnh so với cùng kỳ, do nợ phải trả giảm trong khi tổng tài sản và vốn chủ sở hữu giảm với tốc độ chậm hơn. Theo đó, hệ số Nợ/Tổng tài sản và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu giảm mạnh so với năm 2019, lần lượt là 28,45% và 39,76%. Cụ thể, nợ phải trả giảm 36,85% chủ yếu đến từ khoản phải trả người bán giảm 221.708 triệu đồng, tương đương với giảm 77,93%; tổng tài sản giảm 14,41% phần lớn đến từ khoản phải thu khách hàng giảm 550.538 triệu đồng; Riêng vốn chủ sở hữu giảm không đáng kể. Trong năm qua, mặc dù các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty giảm mạnh, nhưng Công ty vẫn luôn duy trì cơ cấu vốn phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

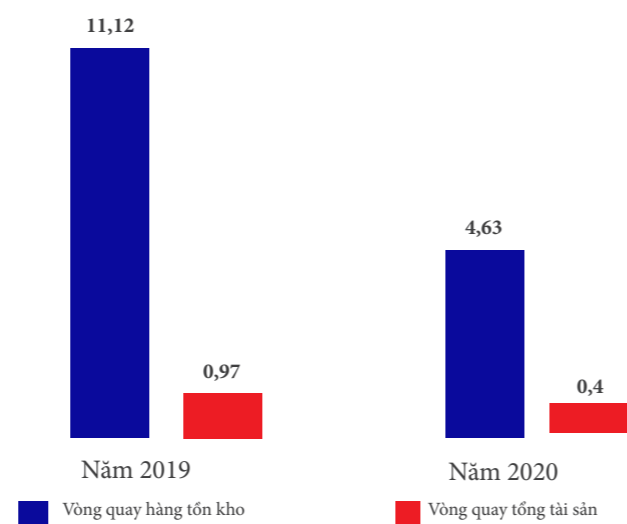
CƠ CẤU VỐN



Về năng lực hoạt động

Năm 2020, các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty giảm đáng kể. Cụ thể, vòng quay hàng tồn kho đạt 4,63 vòng (giảm 6,49 vòng), vòng quay tổng tài sản đạt 0,4 vòng, giảm 0,57 vòng so với cùng kì năm 2019. Nguyên nhân dẫn đến sự sụt giảm này là do tốc độ giảm của doanh thu thuần và giá vốn hàng bán giảm nhanh hơn so với mức giảm của Hàng tồn kho bình quân và khoản phải thu bình quân, với mức giảm 60,41% của doanh thu thuần năm 2020, tương ứng với giảm 1.144.645 triệu đồng. Công ty luôn chú trọng đến việc quản trị chi phí hoạt động nhằm tăng hiệu quả hoạt động của tài sản. Bên cạnh đó, các hoạt động bảo dưỡng sửa chữa máy móc cũng được chú trọng trong những năm qua.

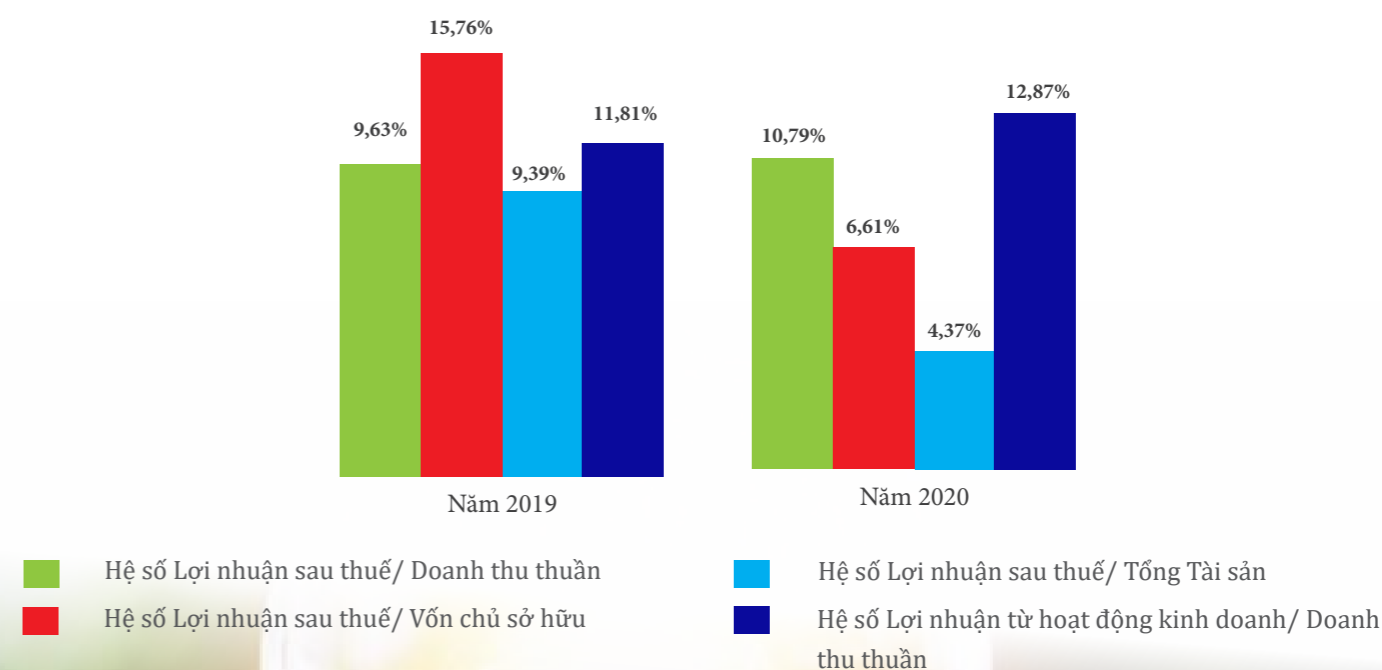
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



Về khả năng sinh lời

Trong năm qua, hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, nên các chỉ tiêu về khả năng sinh lời biến động đáng kể. Cụ thể, Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE), Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROA) năm 2020 giảm khá nhiều, giảm lần lượt là 9,15% và 5,02%, Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (ROS) và Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần tăng lần lượt là 1,16% và 1,06% do doanh thu thuần giảm với tốc độ chậm hơn lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh.

KHẢ NĂNG SINH LỜI



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU



Cổ phần (tại ngày 25/03/2020)

- Vốn điều lệ: 604.856.000.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 60.485.600 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Cổ phiếu thường: 60.485.600 cổ phiếu
- Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 60.485.600 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cp nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Nhà nước	1	48.123.557	79,56%
2.	Cổ đông trong nước	1.272	6.541.303	10,82%
	Tổ chức	19	1.874.038	3,10%
	Cá nhân	1253	4.667.265	7,72%
3	Cổ đông nước ngoài	29	5.820.740	9,62%
	Tổ chức	10	5.762.770	9,53%
	Cá nhân	19	57.970	0,10%
	Tổng cộng	1.302	60.485.600	100,00%

Danh sách cổ đông lớn

Loại cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Cổ đông lớn	5.236.210	8,66%

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách HĐQT, Ban điều hành, Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
I. Hội đồng quản trị				
1	Ông Phan Thanh Xuân	Chủ tịch HĐQT	01/05/2020	
2	Ông Huỳnh Lin	Chủ tịch HĐQT		28/4/2020
3	Ông Lê Văn Huy	Thành viên HĐQT		
4	Ông Lê Thế Sơn	Thành viên HĐQT		
5	Ông Đoàn Ngọc Nhân	Thành viên HĐQT		
6	Ông Châu Thanh Cần	Thành viên HĐQT		
II. Ban Kiểm soát				
1	Bà Phan Thị Thùy Linh	Trưởng Ban Kiểm Soát		
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên Ban Kiểm soát		
3	Ông Đinh Tuấn Anh	Thành viên Ban Kiểm soát		
III. Ban điều hành				
1	Ông Lê Văn Huy	Tổng Giám đốc	16/6/2020	
2	Ông Lê Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc phụ trách		15/6/2020
3	Ông Võ Nhu	Phó Tổng Giám đốc		
4	Ông Đoàn Ngọc Nhân	Phó Tổng Giám đốc		
5	Bà Trần Thị Bảo Xuân	Kế toán trưởng		

Lý lịch HĐQT

Ông PHAN THANH XUÂN- Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên	PHAN THANH XUÂN
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	04/06/1961
Nơi sinh	Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	P.Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
Trình độ chuyên môn	Quản trị Kinh Doanh - Thạc sĩ; Thiết bị điện;
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> 11/1983 - 01/1987: Vận hành viên, Phó ca vận hành NMD Thủ Đức 02/1987 - 8/1996: Trưởng ca vận hành - Bí thư chi đoàn TN Phân xưởng Vận hành Nhà máy điện Thủ Đức 9/1996 - 4/1997: - công tác ở ban CBSX Nhà máy điện Phú Mỹ 5/1997 - 1/2002: Quản đốc phân xưởng vận hành Nhà máy điện Phú Mỹ 2/2002 - 1/2003: Trưởng Phòng Kỹ thuật an toàn Nhà máy điện Phú Mỹ 1/2003 - 01/2006: Trưởng Phòng Kế hoạch vật tư Nhà máy điện Phú Mỹ 16/2/2006 - 15/6/2009: Trưởng Phòng Tổ chức - Lao động Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ. 16/6/2009: Phó Giám đốc Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ Từ 01/11/1983 đến 15/02/2006: Phòng Kế hoạch - Vật tư, Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ Từ 10/04/1997 đến 15/02/2006: Trưởng Phòng Kế hoạch - Vật tư, Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ Từ 16/02/2006 đến 31/12/2012: Trưởng Phòng Tổ chức-Lao động, Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ Từ 16/06/2009 đến 31/12/2012: Phó Giám đốc Ban Lãnh đạo, Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ Từ 01/01/2012: Tổ phó Tổ chuyên gia xét thầu và thương thảo HĐ các gói thầu thuộc Dự án Hoàn thiện TTĐL Phú Mỹ, Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ Từ 01/01/2013: Phó Tổng Giám đốc TCT Ban Lãnh đạo, Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ Từ 29/04/2014: Thành viên Ban chỉ đạo và Tổ công tác triển khai phần mềm Maximo của Cơ quan Tổng Công ty Phát điện 3, Tổng Công ty phát điện 3; Từ 2013 - 30/9/2018: Phó Tổng Giám đốc TCT - Ban Lãnh đạo, Tổng Công ty Phát điện 3 Từ 01/10/2018 - Nay: Phó Tổng Giám đốc TCT - Ban Lãnh đạo, Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.



Ông LÊ VĂN HUY- Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

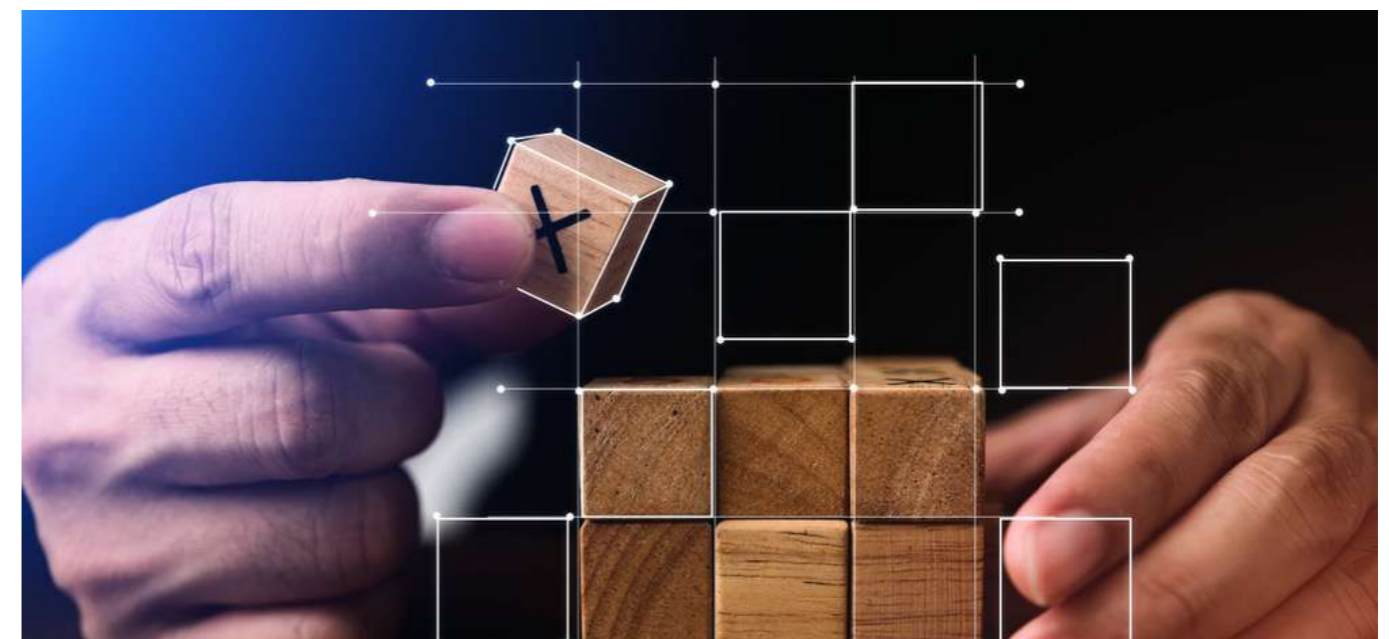
Họ và tên	LÊ VĂN HUY
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	12/12/1970
Nơi sinh	Xã Liêm Hải, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Tổ 41/27 ô4 Khu phố Hải Tân, thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kỹ sư Điện công nghiệp
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> Từ tháng 11/1995 đến tháng 6/1997: Nhân viên Công ty Xây lắp điện II, TP Hồ Chí Minh. Từ 7/1997 đến tháng 12/2000: Vận hành viên Phân xưởng vận hành, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa. Từ 15/12/2000 đến 25/4/2004: Trưởng ca Vận hành, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa. Từ 26/4/2004 đến 01/04/2007: Kỹ thuật viên phân xưởng Vận hành, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa. Từ 02/04/2007 đến 04/01/2009 : Phó Quản đốc phân xưởng Vận hành, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa. Từ 05/01/2009 - 15/06/2009: Quyền Quản đốc phân xưởng Vận hành, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa. Từ 16/6/2009 - 05/7/2017: Quản đốc phân xưởng Vận hành, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa. Từ 06/7/2017- 15/6/2020: Phó Tổng Giám đốc kỹ thuật Công ty; Từ 16/6/2020- nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa;

Ông LÊ THẾ SƠN- Thành viên HĐQT

Họ và tên	LÊ THẾ SƠN
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	04/02/1962
Nơi sinh	Xã Hải Trung, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> Từ tháng 4/1984- 1/1998: Kế toán viên, Công ty Diezen Sông Công, Thái Nguyên; Từ tháng 2/1998-3/2001: Kế toán viên, Nhà máy nhiệt điện Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương; Từ tháng 2/1998-3/2009: Trưởng phòng tài chính kế toán Công ty, Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương Từ tháng 4 năm 2001-5/2008: Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán, Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại (nay là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại); Từ tháng 6/2008-3/2009: Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại; Từ tháng 04/2009 đến nay: Kế toán trưởng, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại; Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

Ông ĐOÀN NGỌC NHÂN- Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên	ĐOÀN NGỌC NHÂN
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	05/05/1980
Nơi sinh	Điện Tiến- Điện Bản- Quảng Nam
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Điện Tiến- Điện Bản- Quảng Nam
Địa chỉ thường trú	K536/22 Điện Biên Phủ- Tp Đà Nẵng
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện. Quản trị Kinh doanh
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> Từ 11/2003 đến tháng 06/2007: Nhân viên- Công ty truyền tải điện 2; Từ tháng 7/2007 đến tháng 02/2008: Chuyên viên, Phó chánh văn phòng- Ban CBSX các NMTĐ trên sông Vu Gia- Thu Bồn- Ban Quản lý dự án thủy điện 3; Từ tháng 3/2008 đến 15/8/2008: Phó trưởng phòng Tổ chức- Lao động- Thư ký công ty- Công ty cổ phần thủy điện A Vương Từ 01/01/2012 đến 07/01/2013: Trưởng phòng Tổ chức- Lao động, Thư ký Công ty- Công ty cổ phần thủy điện A Vương; Từ 08/01/2013 đến 22/5/2015: Trưởng Ban tổng hợp- Tổng Công ty phát điện 3; Từ tháng 5/2015 đến tháng 10/2016: <ul style="list-style-type: none"> + Trưởng ban Tổng hợp kiêm Trưởng ban kiểm soát nội bộ- Tổng công ty phát điện 3; + Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa; Từ tháng 11/2016 đến tháng 5/2017: <ul style="list-style-type: none"> + Phó Giám đốc- Công ty nhiệt điện Vĩnh Tân- Tổng Công ty Phát điện 3; + Ủy viên HĐQT Công ty Nhiệt điện Bà Rịa; Từ tháng 5/2017 đến tháng 4/2018: Phó Giám đốc- Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân- Tổng Công ty Phát điện 3; Từ tháng 4/2018 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.;





Ông CHÂU THANH CẦN- Thành viên HĐQT

Họ và tên	CHÂU THANH CẦN
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	11/9/1959
Nơi sinh	Quảng Ngãi
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Quảng Ngãi
Địa chỉ thường trú	Trần Quốc Toản, Phường 8, Quận 3, Tp Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Thiết bị điện
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> 1979-1979: làm việc tại Nhà máy điện Cần Thơ; 1979- 2017: làm việc tại Công ty Nhiệt điện Thủ Đức; 2017- nay: làm việc tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa. Thành viên HĐQT;

Bà NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG- Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	08/02/1969
Nơi sinh	Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã An Quảng Hữu, Huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh
Địa chỉ thường trú	Khu dân cư Gia Hòa, P. Phước Long B, Quận 9, Tp Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế, thạc sỹ Quản trị kinh doanh chuyên ngành tài chính
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> 1997 - 2009: Kế toán trưởng các Công ty Điện lực; Trưởng Phòng Kiểm toán nội bộ, Kiểm soát viên kiêm nhiệm, nay là Phó trưởng ban Kiểm soát nội bộ Tổng Công ty Điện lực Tp Hồ Chí Minh; 1979- 2017: làm việc tại Công ty Nhiệt điện Thủ Đức; 2017- nay: làm việc tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa; Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa;

Lý lịch Ban Kiểm soát

Bà Phan Thị Thùy Linh- Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên	PHAN THỊ THÙY LINH
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	19/09/1987
Nơi sinh	Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Long An
Địa chỉ thường trú	Cư xá A Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa, phường Long Hương, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> Từ 01/04/2009 đến 30/09/2009: Văn phòng, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa; Từ 01/10/2009 đến 30/06/2014: Cán sự, Phòng Tài chính-Kế toán, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa; Từ 01/07/2014: Phó phòng, Phòng Tài chính-Kế toán, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa; Từ 01/02/2018 đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa;

Ông ĐÌNH TUẤN ANH- Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	ĐÌNH TUẤN ANH
Giới tính	NAM
Ngày tháng năm sinh	14/8/1982
Nơi sinh	Xã Quảng Lộc, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã Quảng Lộc, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình
Địa chỉ thường trú	Linh Xuân, Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Thủy Lợi
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> Từ tháng 03/2007 đến tháng 12/2007: Cán bộ Kỹ thuật tại Tổng đội thanh niên xung phong nông nghiệp 4- thuộc Tổng Công ty Xây dựng 4; Từ tháng 01/2008 đến tháng 9/2013: Chuyên viên Phòng Kỹ thuật tại Công ty Cổ phần EVN Quốc tế; Từ tháng 10/2013 đến tháng 10/2017: Chuyên viên Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng tại Tổng Công ty Phát điện 3; Từ tháng 11/2017 đến tháng 6/2019: Chuyên viên Ban Tổng hợp; Từ tháng 6/2019 đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa;



Lý lịch Ban Điều hành

Ông LÊ VĂN HUY- Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

(Xem lý lịch chi tiết phần HĐQT)

Ông VÕ NHU- Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên	VÕ NHU
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	15/10/1967
Nơi sinh	Thôn 3, xã Duy Thành Huyện Duy Xuyên, Tỉnh Quảng Nam
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Thôn 3, xã Duy Thành Huyện Duy Xuyên, Tỉnh Quảng Nam
Địa chỉ thường trú	Phường Long Hương, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Điện khí hoá & Cung cấp điện
Quá trình công tác	Từ 04/04/1994 đến 23/09/2010: Kỹ thuật viên, P.xưởng vận hành, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa Từ 24/09/2010 đến 01/11/2010: Kỹ thuật viên, PX sửa chữa Điện-Tự động, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa Từ 02/11/2010 đến 13/03/2011: Kỹ thuật viên, P.xưởng vận hành, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa Từ 14/03/2011 đến 31/12/2017: Phó Quản đốc, P.xưởng vận hành, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa Từ 01/01/2018 đến 14/04/2020: Quản đốc, Phân xưởng vận hành, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa Từ 15/04/2020 đến nay: Phó Tổng Giám đốc (Công ty), Ban Giám đốc, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa Từ 23/06/2020: Ủy viên Ban chấp hành Công Đoàn, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa;

Ông ĐOÀN NGỌC NHÂN- Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

(Xem lý lịch chi tiết phần HĐQT)

Bà TRẦN THỊ BẢO XUÂN- Kế toán trưởng

Họ và tên	TRẦN THỊ BẢO XUÂN
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	26/01/1973
Nơi sinh	Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Long Phước, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
Địa chỉ thường trú	Long Phước, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính kế toán
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> Từ 09/04/2001 đến 31/12/2012: Chuyên viên, Phòng Tài chính-Kế toán, Công ty Cổ phần nhiệt điện Bà Rịa Từ 09/08/2010 đến 30/09/2012: Phó phòng, Phòng Tài chính-Kế toán, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa Từ 01/10/2012 đến 31/12/2012: Trưởng Phòng, Phòng Tài chính-Kế toán, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa Từ 01/01/2013 đến 31/12/2020: Kế Toán trưởng, Phòng Tài chính-Kế toán, Công ty Cổ phần nhiệt điện Bà Rịa;



Số lượng cán bộ, công nhân viên
266 người

Thu nhập bình quân
10,86 triệu đồng

Số lượng cán bộ, công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Phân loại theo giới tính	266	100%
1	Nam	227	85,34%
2	Nữ	39	14,66%
II	Phân loại theo trình độ	266	100%
1	Trình độ đại học, cao đẳng	159	59,77%
2	Trình độ trung cấp	40	15,04%
3	Trình độ lao động phổ thông	67	25,19%
III	Phân loại theo tính chất lao động	266	100%
1	Trực tiếp sản xuất	95	35,71%
2	Không trực tiếp sản xuất	171	64,29%

Mức thu nhập bình quân của người lao động qua các năm

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021 (dự kiến)
Thu nhập bình quân	Triệu Đồng/ người/ tháng	14,11	21,82	10,86	10,05



Chính sách nhân sự với người lao động

Phát triển nguồn nhân lực

Với quan điểm Người lao động là một trong những yếu tố quyết định sự phát triển bền vững của Công ty. BTP luôn quan tâm, chăm sóc và phát triển đội ngũ nhân sự. Cụ thể::

- Thực hiện nghiêm chỉnh quy định của Pháp luật về an toàn lao động, tiền lương, bảo hiểm, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên.
- Ban lãnh đạo luôn tạo điều kiện để người lao động phát triển năng lực phù hợp với bản thân và đáp ứng được các mục tiêu chiến lược phát triển của Công ty.
- Công ty đã ban hành quy định đào tạo, bồi huấn để khuyến khích người lao động nâng cao trình độ bằng nhiều hình thức: Đào tạo nội bộ, đào tạo trong nước, .. Thường xuyên cử cán bộ đi bồi dưỡng, nâng cao trình độ ngoại ngữ, lý luận chính trị, quản lý và tham gia các lớp tập huấn về An toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy,...



Chính sách lương thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

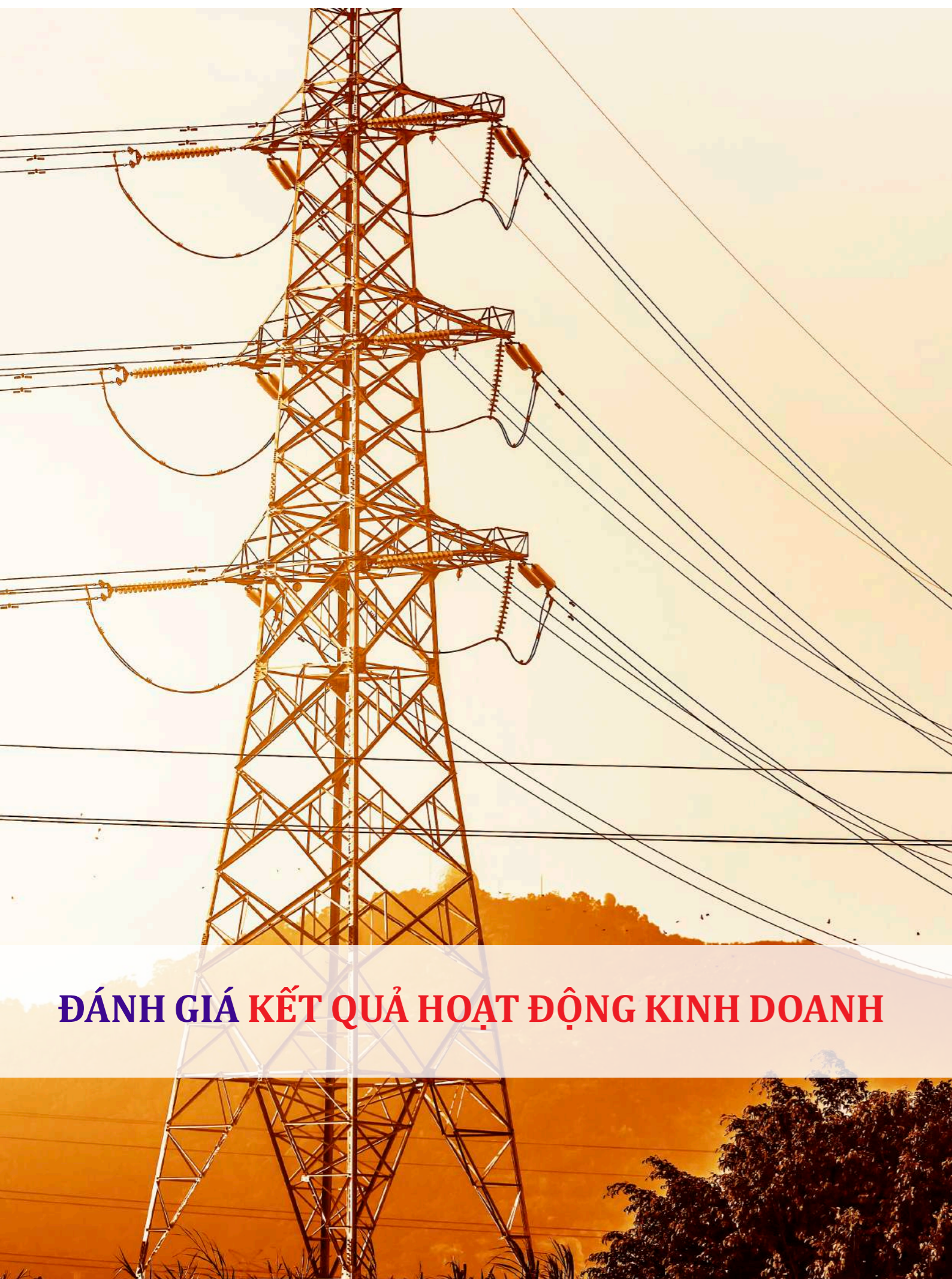
- Hệ thống lương thưởng của Công ty được xây dựng một cách rõ ràng, minh bạch, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người, đồng thời đảm bảo đầy đủ mọi quyền lợi cho người lao động theo đúng quy định của Pháp luật. Ngoài ra, để động viên, khuyến khích và cải thiện nâng cao thu nhập cho người lao động, từng nhân viên trong Công ty được điều chỉnh mức lương phù hợp dựa vào thời gian làm việc thực tế, công việc được giao, công sức đóng góp và chất lượng hoàn thành công việc. Những chính sách này là một trong những biện pháp hiệu quả nhằm thu hút những lao động giỏi về với tổ chức và duy trì sự gắn kết giữa người lao động với Công ty, giữ chân những người lao động giỏi và huy động tối đa năng lực làm việc của người lao động trong tổ chức.
- BTP luôn thực hiện tốt các yêu cầu của Bộ Luật lao động. Các chế độ chính sách của người lao động luôn được Lãnh đạo Công ty quan tâm chỉ đạo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, như trích đóng và chi trả Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp,...
- Đối với cán bộ nhân viên có thành tích tốt, bên cạnh việc tuyên dương trước Công ty, nhân viên sẽ được khen thưởng nhằm khuyến khích họ phát huy năng lực, hết lòng với công việc. Ngoài ra, Công ty còn tổ chức các chương trình hoạt động ý nghĩa nhân dịp Lễ, Tết, các ngày Quốc tế Lao động, Quốc tế phụ nữ,..cho CBCNV của Công ty.



03

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021
- Kế hoạch phát triển trong tương lai

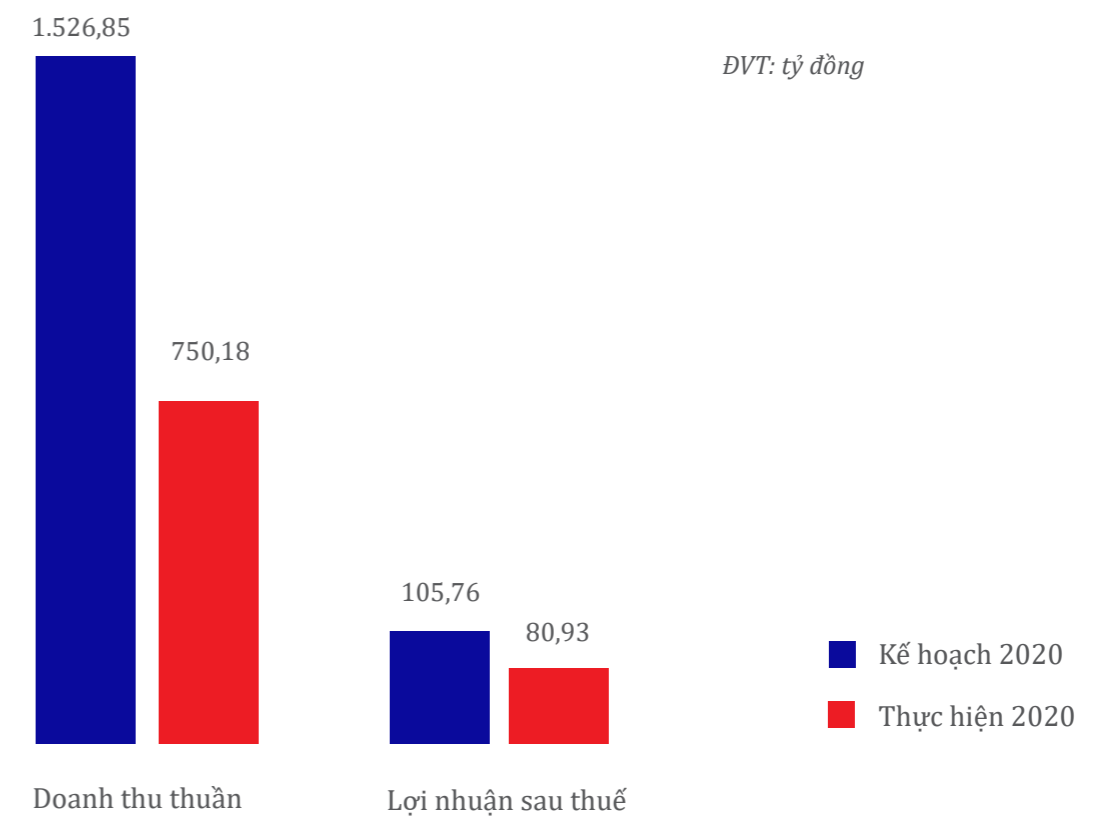


ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2020	TH 2020	Tỷ lệ thực hiện KH
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.526,85	750,18	49,13%
2	Lợi nhuận từ HĐKD	Tỷ đồng	131,61	96,57	73,38%
3	Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	0,59	0,12	19,88%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	132,20	96,69	73,14%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	105,76	80,93	76,52%
6	EPS	Đồng	1.748,51	1.338	76,52%

- Sản lượng điện sản xuất năm 2020 chỉ đạt 277,18 triệu kWh bằng 31,07% KH và bằng 32,95% so với cùng kỳ năm trước;
- Sản lượng điện bán cho EVN năm 2020 là 269,97 triệu kWh đạt 31,11% KH và bằng 32,92% so với cùng kỳ năm trước;

Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2020



Công tác sửa chữa lớn

Kế hoạch năm 2020, Công ty không có công trình Sửa chữa lớn, chỉ thực hiện công tác tiểu tu GT8, lò 8, bảo dưỡng thiết bị các tổ máy theo lịch và sửa chữa thay thế relay bảo vệ máy phát và MBT tổ máy GT8, GT5 và GT3.

Công tác đấu thầu

Trong năm 2020, thực hiện 54 gói thầu với tổng giá trị là 61,66 tỷ đồng (trong đó: 14 gói đấu thầu rộng rãi; 35 gói chào hàng cạnh tranh, 03 gói chỉ định thầu; 03 gói ký hợp đồng trực tiếp), tiết giảm được 9,49 tỷ đồng so với dự toán gói thầu.

Công tác đầu tư mua sắm

Năm 2020, kế hoạch mua sắm, và đầu tư nguồn điện mới: 101,84 tỷ đồng (mua đầu tư nguồn điện mới: 60,56 tỷ đồng; mua sắm tài sản: 41,29 tỷ đồng), thực tế thực hiện như sau:

- Đầu tư nguồn điện mới: hoàn thành xây dựng cột đo gió của dự án Nhà máy điện gió Bà Rịa - Buôn Hồ tại tỉnh Đắk Lắk với giá trị 1,95 tỷ đồng.
- Mua sắm tài sản: hoàn thành tăng tài sản thuộc kế hoạch 2019 trong năm 2020: 2,49 tỷ đồng; tài sản thuộc kế hoạch năm 2020: 5,28 tỷ đồng.





ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Công tác quản lý vật tư tồn kho

Tổng giá trị hàng tồn kho Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020 là 173,27 tỷ đồng, trong đó:

- Dầu DO: 5.376 m³ (4.531.741 kg) với giá trị 69,77 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 40,27% hàng tồn kho và tăng 20,77 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2019. Lượng dầu DO tồn kho năm 2020 cao hơn so với định mức TCT phê duyệt theo Nghị quyết số 133/NQ-HĐQT ngày 19/8/2020 là 5.376 m³/4.340 m³ do Công ty đã thực hiện tăng trữ lượng dầu dự phòng trong các tháng cuối năm 2019 để đáp ứng theo kế hoạch của A0 trong các tháng đầu năm 2020.
- Trong năm, Công ty đã tiến hành rà soát ban hành danh mục vật tư dự phòng chiến lược và vật tư dự phòng chủ yếu với tổng giá trị 95,15 tỷ đồng theo Tờ trình số 1410/TTr-NĐBR ngày 23/11/2020. Đến thời điểm 31/12/2020 vật tư thiết bị phụ tùng thay thế dài hạn là 58,42 tỷ đồng (số liệu trên BCTC quý 4/2020), chiếm tỷ trọng 39,73% so với giá trị hàng tồn kho.



Công tác nâng cao hiệu quả hoạt động

Trong năm 2020, Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu được giao, tuy nhiên chỉ tiêu năng suất lao động chưa đạt (theo SLĐ sản xuất: 1,04/3,28 triệu kWh/người) do sản lượng điện năm 2020 thấp so với kế hoạch.

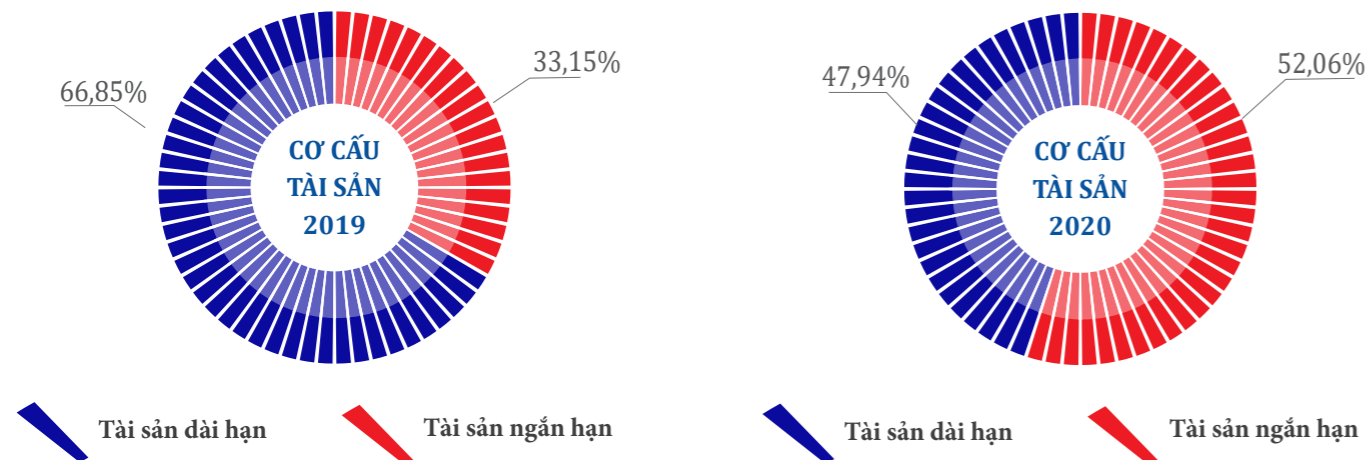


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản tại 31/12/2020

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2019	Tỷ trọng năm 2019	31/12/2020	Tỷ trọng năm 2020	TH 2020/ TH 2019
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	1.335.272	66,85%	819.594	47,94%	61,38%
Tài sản dài hạn	Triệu đồng	662.193	33,15%	889.966	52,06%	134,40%
Tổng tài sản	Triệu đồng	1.997.465	100%	1.709.560	100%	85,59%

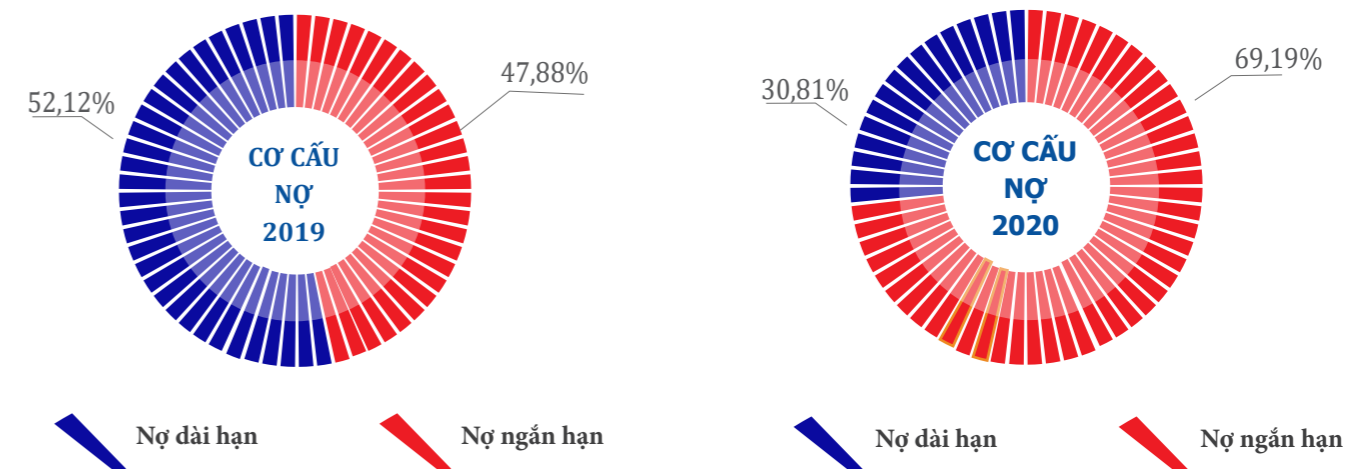
Tổng giá trị tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2020 đạt 1.709.560 triệu đồng, giảm 14,41% so với thời điểm 31/12/2019. Nguyên nhân của sự sụt giảm này là do tài sản ngắn hạn giảm 515.678 triệu đồng tương ứng với giảm 38,62% về mức 819.594 triệu đồng, trong đó khoản phải thu ngắn hạn khách hàng giảm 549.930 triệu đồng, cụ thể là khoản phải thu của Công ty Mua bán điện và Công ty Dịch vụ sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO 3 giảm so với đầu năm; đồng thời, tài sản dài hạn tăng 227.772 triệu đồng tương ứng với mức tăng 34,40% nguyên nhân là do khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tăng lên 192.000 triệu đồng, chủ yếu là tiền gửi ngắn hạn và khoản đầu tư trái phiếu vào Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn- Sông Hinh.



Tình hình nợ phải trả tại 31/12/2020

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2019	Tỷ trọng năm 2019	31/12/2020	Tỷ trọng năm 2020	TH 2020/ TH 2019
Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	401.425	52,12%	149.841	30,81%	37,33%
Nợ dài hạn	Triệu đồng	368.739	47,88%	336.516	69,19%	91,26%
Tổng nợ phải trả	Triệu đồng	770.164	100%	486.356	100%	63,15%

Trong năm 2020 đã có sự dịch chuyển trong cơ cấu nợ khi mà tỷ trọng nợ ngắn hạn chiếm nhiều hơn nợ dài hạn trong năm 2019; thì năm 2020, tỷ trọng nợ dài hạn chiếm nhiều hơn với 69,19%. Điều này là do nợ ngắn hạn giảm từ 401.425 triệu đồng xuống còn 149.841 triệu đồng, tương đương với mức giảm 62,67%; nợ dài hạn giảm nhẹ từ 368.739 triệu đồng xuống còn 336.516 triệu đồng. Nguyên nhân chính là do khoản phải trả người bán ngắn hạn giảm 221.708 triệu đồng. Trong năm 2020, Công ty đã tắt toán hết một số khoản nợ. Điều này dẫn đến tổng nợ phải trả giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoái.



KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021



* Kế hoạch phát triển trong tương lai

Năm 2021, trước tình hình khó khăn của nền kinh tế nói chung và của Công ty Nhiệt điện Bà Rịa nói riêng, BTP đặt mục tiêu hoàn thành một số chỉ tiêu kinh tế sau:

STT	Sản phẩm	ĐVT	Kế hoạch 2021
1	Tổng sản lượng điện sản xuất	Triệu kWh	425
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	879.639,62
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	779.389,28
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	100.250
5	Thuế TNDN phải nộp	Tỷ đồng	20.050
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	80.200

* Căn cứ để hoàn thành kế hoạch:

- Tiếp tục nâng cao công tác sản xuất kinh doanh hiệu quả, an toàn.
- Chủ động tìm kiếm các nguồn cung cấp khí bổ sung trong bối cảnh nguồn khí trong nước đang suy giảm.
- Thường xuyên theo dõi tình hình sản xuất tại các đơn vị để có sự chỉ đạo kịp thời, kiểm soát tiến độ hoàn thành công việc.
- Tăng cường phối hợp với các đơn vị quản lý, điều hành hệ thống điện để đảm bảo vận hành nhà máy hiệu quả.
- Nắm bắt thông tin đầy đủ, liên tục và dự báo chuẩn sát tình hình hệ thống điện, thị trường điện.
- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đào tạo chuyên sâu.
- Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, nâng cao hiệu suất các tổ máy, giảm công suất tối thiểu các tổ máy để gia tăng hiệu quả sản xuất điện.
- Áp dụng các công nghệ thông tin vào quản lý, vận hành để giảm chi phí sản xuất, kinh doanh.



GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, Công ty kiểm toán độc lập đã có ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo này; Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến thêm.

04

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- Kế hoạch định hướng của HĐQT





ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2020, do tình hình dịch bệnh, phụ tải thấp, do vậy sản lượng không đạt dẫn đến lợi nhuận của Công ty không đạt theo Nghị quyết ĐHĐCĐ giao. Cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu : 821.566 triệu đồng
- Tổng chi phí : 724.875 triệu đồng
- Tổng lợi nhuận thuần : 96.574 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế TNDN : 96.691 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN : 80.930 triệu đồng

Trong quá trình thực hiện quyền hạn và trách nhiệm, Hội đồng quản trị luôn tuân thủ Điều lệ, thường xuyên giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý trong việc thực hiện các nhiệm vụ và mục tiêu đề ra thông qua các cuộc họp định kỳ được tổ chức trong năm, xem xét cẩn trọng, đưa ra các khuyến nghị, chỉ đạo để Ban Tổng Giám đốc điều hành một cách tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của các bên liên quan;

Ban Tổng Giám đốc điều hành hoạt động của Công ty theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị, thường xuyên báo cáo, trao đổi với Hội đồng quản trị và có những điều chỉnh kịp thời đảm bảo đạt được mục tiêu với hiệu quả cao nhất;

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc luôn phối hợp chặt chẽ, thực hiện mối quan hệ quản trị- điều hành theo đúng Điều lệ và Quy chế nội bộ.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2020, với tình hình diễn biến phức tạp của nền kinh tế xã hội do ảnh hưởng của dịch Covid-19, Ban Tổng Giám đốc vẫn luôn cố gắng nỗ lực, chủ động và kịp thời đưa ra những giải pháp phù hợp, nắm bắt kịp thời diễn biến thị trường.

- Trong năm 2020, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện các chủ trương của Hội đồng quản trị theo như Nghị Quyết được ban hành, phù hợp điều lệ của Công ty, quy định của Pháp luật và đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông.
- Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo tập trung mọi nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, thường xuyên báo cáo, trao đổi với Hội đồng quản trị và có những điều chỉnh kịp thời đảm bảo thực hiện mục tiêu với kết quả cao nhất.
- Hội đồng quản trị nhìn nhận Ban Tổng Giám đốc đã rất nỗ lực trong công tác điều hành, đảm bảo cho mọi hoạt động của Công ty diễn ra hiệu quả.
- Các hoạt động về môi trường đã được triển khai tốt, tích cực tham gia nhiều hoạt động mang nhiều lợi ích cho xã hội và cộng đồng.
- Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ và thực hiện đúng các quy định về quản trị Công ty, tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định; tổ chức các phiên họp Hội đồng quản trị; họp giao ban định kỳ; thực hiện tốt các quy định về lao động, chính sách lương thưởng...
- Nhìn chung, Ban Tổng Giám đốc đã thể hiện được năng lực tốt, tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện các biện pháp kịp thời, đồng bộ, linh hoạt giúp Công ty duy trì hoạt động an toàn, ổn định, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước, tuân thủ pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông cũng như toàn thể nhân viên trong Công ty.





KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2021, Hội đồng quản trị sẽ tập trung chỉ đạo để hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh được ĐHCĐ phê duyệt, triển khai đúng tiến độ, phấn đấu hoàn thành mục tiêu, kế hoạch sau:

*** Về mặt quản trị doanh nghiệp:**

Công ty triển khai cập nhật những thay đổi trong Luật Doanh nghiệp 2020, đặc biệt là các quy định về Công ty cổ phần từ 2021 để đáp ứng các chuẩn mực về quản trị doanh nghiệp theo luật định.

*** Về mặt triển khai các dự án:**

Tiếp tục triển khai bổ sung quy hoạch điện Quốc gia: dự án Nhà máy Nhiệt điện khí Bà Rịa 2, Nhà máy điện gió Bà Rịa - Buôn Hồ; và theo sát dự án Nhà máy điện gió Tiến Thành 3 để được cấp giấy chứng nhận đầu tư.

*** Về đầu tư tài chính**

Tăng cường giám sát, đánh giá hiệu quả các khoản đầu tư đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn; cân đối mặt bằng lãi suất trước khi gửi tiền có kỳ hạn nhằm đem lại hiệu quả cao nhất.

*** Về quản trị vật tư tồn kho:**

Cân đối kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm để sử dụng tối đa vật tư thiết bị tồn kho.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Định hướng phát triển bền vững
- Mục tiêu cụ thể
- Sử dụng nguồn năng lượng hiệu quả
- Phát triển nguồn nhân lực
- Trách nhiệm xã hội
- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường
- Đóng góp nổi bật



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa theo đuổi chính sách hoạt động sản xuất đi đôi với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường, định hướng phát triển bền vững để trường tồn. Vì thế, BTP cam kết giảm thiểu các tác động tiêu cực tới môi trường, cố gắng kiểm soát chặt chẽ các tác động của quá trình sản xuất đối với môi trường. Bên cạnh đó, Công ty luôn tạo lập giá trị tốt nhất cho nhân viên, khách hàng, đối tác, nhà cung cấp và cộng đồng xung quanh.

MỤC TIÊU CỤ THỂ

- Phát triển bền vững phải đi đôi với lợi ích kinh tế thông qua hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Đào tạo giúp nâng cao tay nghề và trình độ chuyên môn lực lượng lao động trẻ.
- Chấp hành nghiêm chỉnh về bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan và hệ sinh thái tại khu vực vận hành.





SỬ DỤNG NGUỒN NĂNG LƯỢNG HIỆU QUẢ

Tiêu thụ năng lượng

Trong nhiều năm qua, Công ty luôn chú trọng đến việc sử dụng nguồn năng lượng một cách hiệu quả và tiết kiệm. Vì thế, Công ty đầu tư máy móc thiết bị tiết kiệm năng lượng trong quá trình sản xuất, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, nhằm đảm bảo nguồn nhiên liệu với chi phí hợp lý cho hoạt động vận hành nhà máy, máy móc thiết bị, giúp đảm bảo lợi ích cho công ty và góp phần bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Các giải pháp tiết kiệm năng lượng hiệu quả

Giải pháp TKNL đã áp dụng	Mục đích của giải pháp	Dự kiến kết quả	Dự kiến chi phí
Sử dụng biến tần điều khiển máy nén kiểm soát 306-2	Giảm tiêu thụ điện tự dùng	Mức tiết kiệm NL: 50.033 (kWh) Mức tiết kiệm NL: ~34,29 % Tiết kiệm chi phí: 83,818 (triệu đồng) Lợi ích khác: Giảm phát thải CO2	Lắp đặt và đưa vào vận hành từ 2017 đến nay (chi phí đầu tư 221 triệu đồng).
Tiết kiệm điện tự dùng	Giảm tiêu thụ điện tự dùng	Mức tiết kiệm NL: 4.038.662 (KWh) Mức tiết kiệm NL: ~16,4 (%) Tiết kiệm chi phí: 6.765,73 (triệu đồng) Lợi ích khác: Giảm phát thải CO2	Sử dụng tự dùng trong sản xuất điện hợp lý.
Thay thế đèn chiếu sáng công nghệ Led	Giảm tiêu thụ điện tự dùng	Mức tiết kiệm NL: 28.248 (kWh) Mức tiết kiệm NL: 36,48 % Tiết kiệm chi phí: 47,322 (Triệu đồng) Lợi ích khác: Giảm phát thải CO2	Thay đèn led 150W cho đèn cao áp 250W, chi phí 131,250 triệu đồng.
Sử dụng hệ thống năng lượng mặt trời hoà lưới cho điện khu văn phòng (20kWp, 100kWp, 110kWp)	Giảm tiêu thụ năng lượng hoá thạch, giảm tỉ lệ điện tự dùng	Mức tiết kiệm NL: 325.000 (KWh) Mức tiết kiệm NL: 1,28 % Tiết kiệm chi phí: 544,453 (triệu đồng) Lợi ích khác: Giảm phát thải CO2	Đầu tư và đưa vào sử dụng từ (2017, 2019, 2020) đến nay (Tổng chi phí đầu tư 4.553,9 triệu đồng), cung cấp điện cho khu văn phòng và tự dùng Công ty.

Kế hoạch thay thế, nâng cấp, bổ sung thiết bị công nghệ

Tên thiết bị	Mô tả tính năng vị trí sử dụng của thiết bị	Cách thức lắp đặt	Lý do lắp mới, nâng cấp hoặc thay thế	Mức cam kết và khả năng thực hiện
Hệ thống điện mặt trời áp mái 950 kWp	Giảm tiêu thụ năng lượng hoá thạch, giảm tỉ lệ điện tự dùng	Lắp đặt mới	Đang lắp đặt, cung cấp điện khu văn phòng làm việc, tự dùng xông sấy Công ty, dự kiến tháng 6/2021 đưa vào vận hành	Mức tiết kiệm NL: 554.080 (kWh) Mức tiết kiệm NL: 1,94 % Tiết kiệm chi phí: 929,423 (triệu đồng) Lợi ích khác: Giảm phát thải CO2
Hệ thống điều khiển tua bin và kích từ ST10	Điều khiển tuabin, máy phát tổ máy ST10	Nâng cấp	Lỗi thời, không đáp ứng đủ các tính năng theo yêu cầu của Hệ thống điện	Cao, 100%
Hệ thống điều khiển kích từ GT7	Điều chỉnh điện áp máy phát cho tổ máy GT7	Nâng cấp	Lỗi thời, không đáp ứng đủ các tính năng theo yêu cầu của Hệ thống điện	Cao, 100%



Tình hình tiêu thụ nước trong năm

Nguồn cung cấp nước

Tổng lượng nước thu về từ nước thủy cục là 64.090.000 m³/năm.

Lượng nước sử dụng

STT	Các nguồn nước	Tổng lượng nước thu về/ đạt được (ĐVT: m ³ /năm)	
1	Sử dụng phát điện		
	Nước thủy cục	51.272.000	m ³ /năm
2	Sử dụng cho sinh hoạt (Tưới cây, sản xuất nước uống)	12.818.000	m ³ /năm
	Tổng cộng	64.090.000	m³/năm

Tình hình tiêu thụ năng lượng trong năm

STT	Tổng năng lượng sử dụng phân loại theo từng nguồn	Năm 2020	Đơn vị tính
1	Tổng năng lượng tiêu thụ	16.058.614	kWh
2	Điện dùng trong quản lý văn phòng	354,903	kWh
3	Điện dùng trong sản xuất	8.122.857	kWh

Tiết kiệm năng lượng

STT	Sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả (Nâng cấp - thay thế thiết bị)	Địa điểm hoạt động	Mục đích mang lại
1	Tiết kiệm điện tự dùng trong sản xuất điện	Các tổ máy Turbine khí, Turbine hơi	Mức tiết kiệm NL 1.587.783 (kWh) Mức tiết kiệm NL 11,91 % Tiết kiệm chi phí: 3.994,96 (Triệu đồng) Lợi ích khác: Giảm phát thải CO2
2	Sử dụng biến tần điều khiển máy nén kiểm soát 306-2	Turbine hơi 306-2	Mức tiết kiệm NL 53.160 (kWh) Mức tiết kiệm NL ~34 % Tiết kiệm chi phí: 83,207 (Triệu đồng) Lợi ích khác Giảm phát thải CO2, giảm sử dụng nhiên liệu hoá thạch, Giảm chi phí bảo dưỡng máy nén.
3	Thay thế đèn chiếu sáng công nghệ Led	Toàn Công ty	Mức tiết kiệm NL 9.390 (kWh) Mức tiết kiệm NL 58,4 % Tiết kiệm chi phí: 11,517 (Triệu đồng) Lợi ích khác Giảm phát thải CO2
4	Sử dụng hệ thống năng lượng mặt trời hoà lưới 20kWp cho điện khu văn phòng	Mái nhà xe Công ty	Mức tiết kiệm NL 26,646 (kWh) Mức tiết kiệm NL 10,43 % Tiết kiệm chi phí: 41,709 (Triệu đồng) Lợi ích khác: Giảm phát thải CO2 Chống nắng nhà xe Ô tô
5	Hệ thống năng lượng mặt trời hoà lưới cho điện khu văn phòng 100 kWp	Mái nhà khu hành chính	Mức tiết kiệm NL 149.520 (kWh) Mức tiết kiệm NL 58,52 % Tiết kiệm chi phí: 234,029 (Triệu đồng) Lợi ích khác: Giảm phát thải CO2 Chống nắng nhà xe Ô tô
6	Hệ thống năng lượng mặt trời hoà lưới 110KWp	Mái nhà xe công ty	Mức tiết kiệm NL 136.987 (kWh) Mức tiết kiệm NL 53,61 % Tiết kiệm chi phí: 214,412 (Triệu đồng) Lợi ích khác: Giảm phát thải CO2



PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC, ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG



Nguồn nhân lực dồi dào, phát triển là giá trị cốt lõi cho sự phát triển bền vững cho Công ty. Vì thế, Công ty luôn chú trọng phát triển chất lượng nguồn nhân lực, đảm bảo an toàn toàn lao động tại khu vực nhà máy, nâng cao hiệu quả làm việc:

- Công tác đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên luôn được thực hiện bằng nhiều hình thức: đào tạo nội bộ, đào tạo trong nước, ngoài nước, đào tạo ngắn và dài hạn. Thường xuyên cử cán bộ đi bồi dưỡng, nâng cao trình độ ngoại ngữ, lý luận chính trị, quản lý và tham gia các lớp tập huấn về an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy,..
- BPT quan tâm đến đời sống tinh thần cho toàn bộ cán bộ công nhân viên, luôn thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định Nhà nước về tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, chế độ hưu trí, được thưởng lễ tết, sinh nhật,..
- Hằng năm, Công ty tổ chức tham quan nghỉ mát trong và ngoài nước, tham gia các hội thi, các phong trào thể dục thể thao, tổ chức các hoạt động để kết nối mọi người với nhau.

Trách nhiệm xã hội

Công ty cam kết tạo lập giá trị tốt nhất cho nhân viên, khách hàng, đối tác, nhà cung cấp và cộng đồng xung quanh:

- Tạo việc làm đem lại thu nhập tốt, cung cấp các chế độ phúc lợi, chăm lo cuộc sống vật chất và tinh thần cho người lao động.
- Tạo điều kiện làm việc an toàn, bảo vệ sức khỏe của người lao động và những đối tượng có thể bị ảnh hưởng.
- Đảm bảo môi trường sống tự nhiên cho cộng đồng.

Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường

Nhận thức được bảo vệ môi trường tự nhiên sẽ mang lại nhiều lợi ích đến sự phát triển bền vững của cả doanh nghiệp và cộng đồng. Công ty luôn chú trọng về vấn đề bảo vệ môi trường và tuân thủ pháp luật môi trường. Trong năm qua, Công ty không vi phạm quy định về môi trường.

Đóng góp nổi bật

Trong năm 2020, mặc dù Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (BTP) gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19, song Công ty đã dành sự quan tâm đặc biệt tới công tác an sinh xã hội thông qua các hoạt động thiết thực dành cho các đối tượng là người nghèo, người có công với cách mạng, trẻ em và tham gia hiến máu tình nguyện,... Những nỗ lực đó đã góp phần hướng đến một cuộc sống tốt đẹp hơn về cả vật chất lẫn tinh thần cho những hoàn cảnh khó khăn, vì một xã hội phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, cụ thể như:

- Triển khai các chương trình tặng quà Tết Nguyên đán đến người nghèo, đối tượng chính sách.
- Cùng Nhà nước chăm sóc đời sống vật chất, tinh thần cho người có công với cách mạng như: xây dựng nhà Đại đoàn kết, hỗ trợ sửa chữa nhà ở, giúp đỡ người có công với cách mạng và thân nhân của họ khi gặp khó khăn.
- Công ty giúp đỡ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn để có được sự động viên, khích lệ phấn đấu trong học tập.
- Năm 2020, Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty đã kêu gọi, vận động các tập thể, cá nhân trong Công ty ủng hộ với tổng số tiền: 622.475.261 đồng, trong đó: Quà tết Nguyên đán cho người nghèo: 73 phần quà với mỗi phần quà có giá trị 400.000 đồng đến 500.000 đồng, với số tổng số tiền 30.050.000 đồng; Quỹ Tương trợ Xã hội với số tiền: 96.157.151 đồng; Quỹ Bảo trợ trẻ em: 96.751.214 đồng; Quỹ phòng chống Covid, chống hạn Đồng bằng Sông Cửu Long: 96.157.151 đồng; Quỹ thiên tai: 39.953.785 đồng; đóng góp hỗ trợ xây nhà Đại Đoàn kết: 30.000.000 đồng; Quỹ đền ơn đáp nghĩa: 28.720.000 đồng; Quỹ nữ CNVC lao động: 13.300.000 đồng; Chi ủng hộ UBMTTQVN phường Long Hương (Thành phố Bà Rịa) giúp đồng bào miền Trung khắc phục hậu quả do mưa lũ gây ra và giúp đỡ người lang thang cơ nhỡ với tổng số tiền là 190.791.960 đồng.
- Ngoài ra, hưởng ứng “Tháng tri ân khách hàng” năm 2020 do Tập đoàn Điện lực Việt Nam phát động, 29 cán bộ, công nhân viên của Công ty có đủ sức khỏe và điều kiện đã tham gia hiến máu.



06

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các cuộc họp Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Huỳnh Lin	2/4	100%	Nghỉ chế độ từ ngày 28/04/2020
2	Ông Phan Thanh Xuân	2/4	100%	Tham gia HĐQT từ ngày 01/05/2020
3	Ông Lê Văn Huy	4/4	100%	
4	Ông Đoàn Ngọc Nhân	4/4	100%	
5	Ông Lê Thế Sơn	4/4	100%	
6	Ông Châu Thanh Cần	4/4	100%	

Các nghị quyết và quyết định trong năm 2020 của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị Quyết	Ngày	Nội dung
1	39/NQ-NĐBR	1/7/2020	Họp Hội đồng quản trị định kỳ Quý 4/2019.
2	117/NQ-NĐBR	1/17/2020	Duyệt quyết toán quỹ tiền lương sản xuất khác năm 2019.
3	169/NQ-NĐBR	2/7/2020	Thông qua việc vay vốn 233 tỷ để thanh toán tiền dầu DO.
4	270/NQ-NĐBR	2/28/2020	Thống nhất ban hành Quy chế về công tác cán bộ và bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn.
5	309/NQ-NĐBR	3/9/2020	Ký kết hợp đồng cấp hạn mức tín dụng vay vốn trong năm 2020.
6	324/NQ-NĐBR	3/11/2020	Thông qua thời gian tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.
7	438/NQ-NĐBR	4/3/2020	Thống nhất gia hạn thời gian tổ chức họp HĐQT Quý 1 và họp ĐHĐCĐ thường niên của Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn.
8	450/NQ-NĐBR	4/8/2020	Về việc bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kỹ thuật Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.
9	462/NQ-NĐBR	4/10/2020	Về việc phê duyệt nhân sự giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.
10	487/NQ-NĐBR	4/17/2020	Thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
11	505/NQ-NĐBR	4/21/2020	Họp Hội đồng quản trị định kỳ Quý 1/2020 (Lấy ý kiến bằng văn bản).
12	518/NQ-NĐBR	4/23/2020	Phê duyệt phương án mua trái phiếu 100 tỷ của Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh.
13	548/NQ-NĐBR	4/28/2020	Về việc bầu Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa nhiệm kỳ 2017-2022.
14	550/NQ-NĐBR	4/28/2020	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.
15	673/NQ-NĐBR	5/26/2020	Thông qua các nội dung tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

STT	Số Nghị Quyết	Ngày	Nội dung
16	691/NQ-NĐBR	5/27/2020	Thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn.
17	718/NQ-NĐBR	6/4/2020	Về việc bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.
18	755/NQ-NĐBR	6/11/2020	Phê duyệt chủ trương mua tiếp 100 tỷ đồng trái phiếu còn lại của Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh.
19	763/NQ-NĐBR	6/12/2020	Về việc phê duyệt danh mục bảo dưỡng, sửa chữa các tổ máy năm 2021 và dự kiến danh mục bảo dưỡng, sửa chữa các tổ máy 04 năm tiếp theo.
20	793/NQ-NĐBR	6/19/2020	Thông qua các nội dung tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.
21	892/NQ-NĐBR	7/14/2020	Phê duyệt về việc ký hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.
22	920/NQ-NĐBR	7/21/2020	Họp Hội đồng quản trị định kỳ Quý III/2020.
23	919/NQ-NĐBR	7/21/2020	Phê duyệt ký kết hợp đồng cấp hạn mức tín dụng vay vốn trong năm 2020.
24	918/NQ-NĐBR	7/21/2020	Chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức bằng tiền năm 2019.
25	984/NQ-NĐBR	8/3/2020	Về việc thay đổi Người đại diện phần vốn góp của Công ty (BTP) tại Công ty cổ phần Phú Thạnh Mỹ.
26	983/NQ-NĐBR	8/3/2020	Phê duyệt ký kết hợp đồng cấp hạn mức tín dụng vay vốn trong năm 2020.
27	1122/NQ-NĐBR	9/7/2020	Về việc thông qua định mức dự trữ nhiên liệu dầu DO.
28	1289/NQ-NĐBR	10/23/2020	Về việc thông qua hiệu chỉnh tổng mức đầu tư Dự án nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2.
29	1328/NQ-NĐBR	11/2/2020	Thống nhất thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2019 (phần bằng tiền) Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn.
30	1358/NQ-NĐBR	11/9/2020	Họp Hội đồng quản trị định kỳ Quý IV/2020.
31	1426/NQ-NĐBR	11/26/2020	Thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty Phú Thạnh Mỹ.

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
1	1556/QĐ-NĐBR	28/12/2020	Quyết định về việc cử Người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa tại Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn
2	1557/QĐ-NĐBR	28/12/2020	Quyết định về việc cử Người tham gia ứng cử vào Ban kiểm soát tại Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn
3	1558/QĐ-NĐBR	28/12/2020	Quyết định Về việc cử Người tham gia ứng cử vào Ban kiểm soát tại Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh nhiệm kỳ còn lại 2018-2023
4	1505/QĐ-NĐBR	23/12/2020	Quyết định phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu gói thầu "Hệ thống điện mặt trời áp mái 950 kWp"
5	1476/QĐ-NĐBR	11/12/2020	Quyết định phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của Gói thầu "Hệ thống điện mặt trời áp mái 950 kWp"
6	1418/QĐ-NĐBR	25/11/2020	Quyết định Về việc cử Người đại diện phần vốn góp của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa tại Công ty cổ phần Phú Thạnh Mỹ
7	1419/QĐ-NĐBR	25/11/2020	Quyết định Về việc cử Người đại diện phần vốn góp của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa tại Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
8	1211/QĐ-NĐBR	02/10/2020	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu "Hệ thống chuẩn đoán máy biến áp online"
9	1196/QĐ-NĐBR	29/09/2020	Quyết định phê duyệt Hồ sơ mời thầu Gói thầu "Hệ thống điện mặt trời áp mái 950 kWp"
10	1138/QĐ-NĐBR	16/09/2020	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu "Hệ thống giảm thiểu sự cố trạm 110kV và 220kV"
11	1140/QĐ-NĐBR	16/09/2020	Quyết định phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu gói thầu "Hệ thống chuẩn đoán máy biến áp online"
12	1139/QĐ-NĐBR	16/09/2020	Quyết định về việc cho phép tổ chức đấu thầu lần 2 Gói thầu "Hệ thống điện mặt trời áp mái 950 kWp"
13	1103/QĐ-NĐBR	01/09/2020	Quyết định phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu gói thầu "Hệ thống giảm thiểu sự cố trạm 110kV và 220kV"
14	1102/QĐ-NĐBR	01/09/2020	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu "Hệ thống điện mặt trời áp mái 950 kWp"

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
15	1081/QĐ-NĐBR	27/08/2020	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu "Đánh giá tình trạng lò (lò 5)"
16	1002/QĐ-NĐBR	07/08/2020	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu "Vật tư gia công các bộ làm mát"
17	1003/QĐ-NĐBR	07/08/2020	Quyết định phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu Gói thầu "Đánh giá tình trạng lò 5"
18	993/QĐ-NĐBR	05/08/2020	Quyết định cử người đại diện phần vốn góp của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa tại Công ty cổ phần Phú Thạnh Mỹ
19	931/QĐ-NĐBR	24/07/2020	Quyết định phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu Gói thầu "Vật tư gia công các bộ làm mát"
20	932/QĐ-NĐBR	24/07/2020	Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu điều chỉnh lần 2 gói thầu "Hệ thống giảm thiểu sự cố trạm 110kV và 220kV"
21	897/QĐ-NĐBR	16/07/2020	Quyết định cho phép hủy thầu và đăng tải thông báo mời thầu gói thầu "Hệ thống giảm thiểu sự cố trạm 110kV và 220kV"
22	896/QĐ-NĐBR	16/07/2020	Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu "Hệ thống chuẩn đoán máy biến áp online"
23	812/QĐ-NĐBR	26/06/2020	Quyết định về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu Gói thầu "Đánh giá tình trạng lò 5"
24	811/QĐ-NĐBR	26/06/2020	Quyết định về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu lần 2 gói thầu "Hệ thống giảm thiểu sự cố trạm 110kV và 220kV"
25	767/QĐ-NĐBR	15/06/2020	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu "Vật tư gia công bộ ngưng hơi"
26	764/QĐ-NĐBR	15/06/2020	Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu điều chỉnh gói thầu: "Vật tư gia công valve phun nước, cặp bánh răng bộ giảm tốc ACC, bộ truyền động Diverter Damper, Stack Damper" thuộc hạng mục "Vật tư gia công"
27	768/QĐ-NĐBR	15/06/2020	Quyết định phê duyệt Hồ sơ mời thầu Gói thầu "Vật tư gia công bộ làm mát"
28	765/QĐ-NĐBR	15/06/2020	Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu điều chỉnh Gói thầu: "Hệ thống giảm thiểu sự cố trạm 110kV và 220kV"

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
29	769/QĐ-NĐBR	15/06/2020	Quyết định phê duyệt Hồ sơ mời thầu Gói thầu "Hệ thống điện mặt trời áp mái 950 kWp"
30	733/QĐ-NĐBR	05/06/2020	Quyết định về việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (Ông Lê Văn Huy)
31	666/QĐ-NĐBR	25/05/2020	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu hệ thống thu thập dữ liệu, giám sát và phân tích tình trạng phóng điện cục bộ máy phát
32	665/QĐ-NĐBR	25/05/2020	Quyết định phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu "Vật tư gia công bộ ngưng hơi"
33	668/QĐ-NĐBR	25/05/2020	Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu "Đánh giá tình trạng lò (Lò 5)"
34	667/QĐ-NĐBR	25/05/2020	Quyết định về việc cho phép tổ chức đấu thầu lần 2 Gói thầu: "Hệ thống giảm thiểu sự cố trạm 110kV và 220kV"
35	612/QĐ-NĐBR	13/05/2020	Quyết định phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu gói thầu hệ thống thu thập dữ liệu, giám sát và phân tích tình trạng phóng điện cục bộ máy phát
36	611/QĐ-NĐBR	13/05/2020	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: "Hệ thống giảm thiểu sự cố trạm 110kV và 220kV"
37	610/QĐ-NĐBR	13/05/2020	Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu "Hệ thống điện mặt trời áp mái 950 kWp"
38	560/QĐ-NĐBR	04/05/2020	Quyết định về việc giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
39	541/QĐ-NĐBR	27/04/2020	Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Hạng mục "Phụ tùng tuabin hơi"
40	454/QĐ-NĐBR	09/04/2020	Quyết định về việc tăng mức tồn trữ nhiên liệu dầu DO
41	453/QĐ-NĐBR	08/04/2020	Quyết định về việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kỹ thuật
42	409/QĐ-NĐBR	30/03/2020	Quyết định phê duyệt Hồ sơ mời thầu Gói thầu: "Hệ thống giảm thiểu sự cố trạm 110kV và 220kV"
43	389/QĐ-NĐBR	25/03/2020	Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu hệ thống thu thập dữ liệu, giám sát và phân tích tình trạng phóng điện cục bộ máy phát

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
44	371/QĐ-NĐBR	23/03/2020	Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu "Vật tư gia công bộ ngưng hơi"
45	368/QĐ-NĐBR	20/03/2020	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp nhiên liệu đầu D.O năm 2020
46	321/QĐ-NĐBR	10/03/2020	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp, thi công, lắp đặt thiết bị thu thập số liệu đo gió, công trình cột đo gió nhà máy điện gió tại tỉnh Đắk Lắk dự án nhà máy điện gió tại tỉnh Đắk Lắk
47	295/QĐ-NĐBR	05/03/2020	Quyết định phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu gói thầu cung cấp, thi công, lắp đặt thiết bị thu thập số liệu đo gió, công trình cột đo gió nhà máy điện gió tại tỉnh Đắk Lắk dự án nhà máy điện gió tại tỉnh Đắk Lắk
48	296/QĐ-NĐBR	05/03/2020	Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: "Hệ thống giảm thiểu sự cố trạm 110kV và 220kV"
49	292/QĐ-NĐBR	04/03/2020	Quyết định về việc chi tiền lương quyết toán còn lại năm 2019 cho người lao động
50	291/QĐ-NĐBR	04/03/2020	Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu điều chỉnh lần 2 gói thầu cung cấp, thi công, lắp đặt thiết bị thu thập số liệu đo gió, công trình cột đo gió nhà máy điện gió tại tỉnh Đắk Lắk dự án nhà máy điện gió tại tỉnh Đắk Lắk
51	285/QĐ-NĐBR	03/03/2020	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán và giá gói thầu cung cấp, thi công, lắp đặt thiết bị thu thập số liệu đo gió, công trình cột đo gió nhà máy điện gió tại tỉnh Đắk Lắk dự án nhà máy điện gió tại tỉnh Đắk Lắk
52	259./QĐ-NĐBR	26/02/2020	Quyết định về việc cho phép nhà thầu chào giá lại gói thầu cung cấp, thi công, lắp đặt thiết bị thu thập số liệu đo gió, công trình cột đo gió nhà máy điện gió tại tỉnh Đắk Lắk dự án nhà máy điện gió tại tỉnh Đắk Lắk

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Điều hành

Trong năm 2020, HĐQT Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa đã tiến hành các hoạt động giám sát đối với Ban Điều hành như sau:

- Tổ chức họp Đại hội đồng thường niên 2020.
- Giám sát việc thực hiện theo Pháp luật Nhà nước, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
- Thực hiện việc giám sát Ban kiểm sát đã tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị, xem xét các văn bản nội bộ của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc ban hành trong quá trình quản trị Công ty để đảm bảo xây dựng đúng định hướng, chủ trương điều hành của Công ty.
- Tổ chức chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo tài chính năm 2020 và báo cáo tài chính sau kiểm toán 2020.
- Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo kế hoạch năm 2020.



BAN KIỂM SOÁT



Hoạt động của Ban Kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Ghi chú
1	Bà Phan Thị Thùy Linh	1/3	33,33%	Nghỉ chế độ thai sản
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	3/3	100%	
3	Ông Đinh Tuấn Anh	3/3	100%	

Ngoài 03 cuộc họp định kỳ nêu trên, các thành viên Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi, thống nhất, quyết định các nội dung, công việc thuộc chức năng nhiệm vụ được giao theo quy định.

- Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao, thường xuyên kiểm tra và theo dõi tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát luôn tuân thủ pháp luật, đảm bảo tính chính xác, khách quan, công khai, dân chủ và kịp thời.
- Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã tổ chức 03 kỳ vào tháng 01, 4 và tháng 8/2020.
- Nội dung chính trong các kỳ họp là kiểm tra, đánh giá việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; Kiểm soát hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; Thẩm định các Báo cáo tài chính, phân tích và đánh giá các chỉ tiêu tài chính và các tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020.
- Kết thúc kỳ kiểm tra, Ban Kiểm soát đều tổ chức họp với Ban lãnh đạo Công ty và trưởng, phó các đơn vị có liên quan để thống nhất nội dung, kết quả giám sát và lập biên bản làm việc. Đồng thời lập báo cáo kiểm tra, giám sát đối với tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và gửi tới các cổ đông thông qua trang web, tài liệu ĐHĐCĐ của Công ty và gửi HĐQT, Ban Tổng Giám đốc.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao; phối hợp trong hoạt động kiểm tra, giám sát tình hình sản xuất kinh doanh, đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty cũng như Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
- Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã hợp tác để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình như cung cấp thông tin, tài liệu, cử các cán bộ quản lý phối hợp làm việc với Ban Kiểm soát khi có yêu cầu.

Hoạt động khác của Ban Kiểm soát

- Tham gia các cuộc họp giao ban định kỳ để nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng của Công ty
- Học tập nâng cao trình độ chuyên môn; cập nhật chế độ chính sách mới.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Lương	ATĐ	Tổng
I. Hội đồng quản trị						
1	Ông Phan Thanh Xuân	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 01/05/2020)	40.968			40.968
2	Ông Huỳnh Lin	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 28/04/2020)		102.404	13.806	116.210
3	Ông Lê Văn Huy	Thành viên HĐQT	-			-
4	Ông Lê Thế Sơn	Thành viên HĐQT	52.332			52.332
5	Ông Đoàn Ngọc Nhân	Thành viên HĐQT	-			-
6	Ông Châu Thanh Cần	Thành viên HĐQT	52.332			52.332
II. Ban Kiểm soát						
1	Bà Phan Thị Thùy Linh	Trưởng Ban Kiểm Soát		147.908	18.685	166.593
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên Ban Kiểm soát	52.332			52.332
3	Ông Đinh Tuấn Anh	Thành viên Ban Kiểm soát	52.332			52.332
III. Ban điều hành						
1	Ông Lê Văn Huy	Tổng Giám đốc (từ ngày 16/6/2020)		172.564	21.976	194.540
2	Ông Lê Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc phụ trách (đến ngày 15/6/2020)		109.035	14.137	123.172
3	Ông Võ Nhu	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 15/4/202)		196.263	25.446	221.709
4	Ông Đoàn Ngọc Nhân	Phó Tổng Giám đốc		261.684	35.800	297.484
5	Bà Trần Thị Bảo Xuân	Kế toán trưởng		238.920	33.928	272.848
TỔNG				1.228.778	163.778	1.642.852

Đào tạo về quản trị Công ty

- Các khóa đào tạo về quản trị Công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và Thư ký Công ty đã tham gia theo quy định về quản trị Công ty: Có
- Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: không có.
- Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát: không có.
- Giao dịch giữa Công ty với các đối tượng khác:
 - + Giao dịch giữa Công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): không có.
 - + Giao dịch giữa Công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành: không có.
 - + Các giao dịch khác của Công ty có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành: không có.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

- Báo cáo Kiểm toán độc lập
- Bảng Cân đối kế toán
- Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh Báo cáo tài chính



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2020, và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 28 tháng 3 năm 2021. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 11 tháng 3 năm 2020.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Mai Viết Hùng Trần
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0048-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM10532
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2021



Triệu Nguyên Duy
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3022-2019-006-1

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2020 VND	2019 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		819.593.855.924	1.335.272.462.075
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	201.900.660.890	85.023.817.171
111	Tiền		400.660.890	373.817.171
112	Các khoản tương đương tiền		201.500.000.000	84.650.000.000
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		382.650.000.000	434.650.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	382.650.000.000	434.650.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		107.623.465.049	652.376.757.232
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	85.192.522.850	625.611.165.108
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	699.833
136	Phải thu ngắn hạn khác	6	22.430.942.199	27.126.090.890
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(361.198.599)
140	Hàng tồn kho		114.851.387.442	151.499.005.599
141	Hàng tồn kho	7	114.851.387.442	151.499.005.599
150	Tài sản ngắn hạn khác		12.568.342.543	11.722.882.073
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		617.329.704	336.590.535
152	Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	12(b)	8.336.256.100	10.122.653.298
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12(b)	3.614.756.739	1.263.638.240
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		889.965.810.175	662.192.869.549
220	Tài sản cố định		269.633.527.589	302.214.542.196
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	267.041.572.234	299.241.353.727
222	Nguyên giá		2.618.635.233.070	2.611.308.840.172
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.351.593.660.836)	(2.312.067.486.445)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	2.591.955.355	2.973.188.469
228	Nguyên giá		6.885.232.036	6.907.340.656
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(4.293.276.681)	(3.934.152.187)
240	Tài sản dở dang dài hạn		3.281.773.433	1.334.432.250
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		3.281.773.433	1.334.432.250
250	Đầu tư tài chính dài hạn		543.026.787.987	357.250.927.800
252	Đầu tư vào công ty liên kết	4(b)	83.750.000.000	83.750.000.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	273.500.927.800	273.500.927.800
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	(6.224.139.813)	-
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	192.000.000.000	-
260	Tài sản dài hạn khác		74.023.721.166	1.392.967.303
261	Chi phí trả trước dài hạn	8	15.602.866.480	1.392.967.303
263	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	9	58.420.854.686	-
270	TỔNG TÀI SẢN		1.709.559.666.099	1.997.465.331.624

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA


Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2020 VND	2019 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		486.356.420.832	770.164.007.556
310	Nợ ngắn hạn		149.840.637.629	401.424.773.352
311	Phải trả người bán ngắn hạn	11	62.780.575.457	284.488.599.333
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12(a)	114.899.440	13.557.547.137
314	Phải trả người lao động		10.499.608.036	40.228.702.685
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	13	1.249.693.596	1.336.149.550
319	Phải trả ngắn hạn khác	14	10.387.885.055	6.844.064.696
320	Vay ngắn hạn	15(a)	54.963.536.603	52.677.033.488
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	9.844.439.442	2.292.676.463
330	Nợ dài hạn		336.515.783.203	368.739.234.204
338	Vay dài hạn	15(b)	336.515.783.203	368.739.234.204
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.223.203.245.267	1.227.301.324.068
410	Vốn chủ sở hữu		1.223.203.245.267	1.227.301.324.068
411	Vốn góp của chủ sở hữu	16, 17	604.856.000.000	604.856.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	17	7.560.228.689	7.560.228.689
418	Quỹ đầu tư phát triển	17	217.213.352.488	162.486.453.679
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	17	19.972.706.991	19.945.014.383
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	17	373.600.957.099	432.453.627.317
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		292.671.176.008	250.030.631.288
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		80.929.781.091	182.422.996.029
440	TỔNG NGUỒN VỐN		1.709.559.666.099	1.997.465.331.624



 Huỳnh Thị Huyền Trang
 Người lập/ Phó phòng Tài chính Kế toán



 Lê Văn Huy
 Tổng Giám đốc
 Ngày 28 tháng 3 năm 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2020 VND	2019 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	750.176.815.347	1.894.822.106.720
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	750.176.815.347	1.894.822.106.720
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(656.577.977.775)	(1.698.132.534.994)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	93.598.837.572	196.689.571.726
21	Doanh thu hoạt động tài chính	71.130.053.458	84.108.118.141
22	Chi phí tài chính	(39.228.369.833)	(15.468.381.279)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(10.264.144.419)	(11.465.426.144)
25	Chi phí bán hàng	(27.699.461)	(37.506.843)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(28.898.593.624)	(41.531.070.728)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	96.574.228.112	223.760.731.017
31	Thu nhập khác	258.787.267	126.371.020
32	Chi phí khác	(142.065.001)	-
40	Lợi nhuận khác	116.722.266	126.371.020
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	96.690.950.378	223.887.102.037
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(15.761.169.287)	(14.857.395.417)
52	(Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	(26.606.710.591)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	80.929.781.091	182.422.996.029
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.338	2.710
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.338	2.710

Huỳnh Thị Huyền Trang
Người lập/ Phó phòng Tài chính Kế toán



Lê Văn Huy
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Mẫu số B 03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12	
		2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	96.690.950.378	223.887.102.037
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	40.361.374.463	37.000.591.529
03	Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)	6.224.139.813	(27.812.294.478)
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	22.740.085.601	(6.372.221.791)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(68.393.746.453)	(59.732.946.937)
06	Chi phí lãi vay	10.264.144.419	11.465.426.144
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	107.886.948.221	178.435.656.504
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	481.095.420.005	(559.398.312.673)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho	36.647.618.157	(4.328.932.531)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(248.269.317.866)	262.981.966.991
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	(14.490.638.346)	634.372.463
14	Tiền lãi vay đã trả	(10.350.600.373)	(11.620.478.544)
15	Tiền thuế TNDN đã nộp	(29.203.816.984)	(29.411.196.753)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(10.941.936.913)	(13.322.358.851)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	312.373.675.901	(176.029.283.394)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(9.727.701.039)	(133.712.438.824)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	1.700.782
23	Tiền gửi ngân hàng và mua trái phiếu của đơn vị khác	(590.000.000.000)	(404.650.000.000)
24	Tiền thu lại tiền gửi ngân hàng	450.000.000.000	568.320.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia	73.066.042.644	54.064.531.825
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(76.661.658.395)	84.023.793.783
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu đi vay	407.964.803.570	602.184.735.433
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(460.641.837.057)	(651.188.370.475)
36	Tiền cổ tức đã trả cho cổ đông	(66.158.140.300)	(60.009.284.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(118.835.173.787)	(109.012.919.542)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	116.876.843.719	(201.018.409.153)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	85.023.817.171	286.042.226.324
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	201.900.660.890	85.023.817.171

Huỳnh Thị Huyền Trang
Người lập/ Phó phòng Tài chính Kế toán



Lê Văn Huy
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Mẫu số B 09 – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**
1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500701305 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 1 tháng 11 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh số 6 cấp ngày 3 tháng 7 năm 2019 để thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 143/QĐ-SGDHCM ngày 17 tháng 7 năm 2009.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh điện năng. Ngoài ra, Công ty còn kinh doanh thêm dịch vụ thí nghiệm sửa chữa, bảo trì máy móc thiết bị và sản xuất kinh doanh nước uống đóng chai.

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 1 công ty liên kết như được trình bày trong Thuyết minh 4(b) - Đầu tư tài chính. Chi tiết như sau:

	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, sản xuất và kinh doanh điện năng; Quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa, cải tạo các thiết bị điện, các công trình thủy công, kiến trúc của nhà máy thủy điện.	Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.	25%	25%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 266 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 271 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Mẫu số B 09 – DN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU
2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”). Công ty xác định đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ, có ảnh hưởng lớn đến giá bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công, nguyên vật liệu và các chi phí sản xuất kinh doanh khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

Ngoài ra, Công ty còn sử dụng đơn vị tiền tệ này để huy động các nguồn lực tài chính và/hoặc thường xuyên thu được đơn vị tiền tệ này từ các hoạt động kinh doanh và tích trữ lại.

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc đối với hàng tồn kho mới mua hoặc giá trị đánh giá lại đối với hàng tồn kho thu hồi và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.8 Đầu tư tài chính****(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn.

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc giá trị góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)
2.8 Đầu tư tài chính (tiếp theo)
(d) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy mà Công ty nắm giữ lâu dài, dự phòng được lập khi giá gốc cao hơn giá trị thị trường. Đối với các khoản đầu tư khác, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.9 Tài sản cố định (“TSCĐ”)
TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
Máy móc thiết bị	5 - 14 năm
Phương tiện vận tải	5 - 12 năm
Thiết bị quản lý	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm
Khác	5 - 10 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận căn cứ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 11 tháng 9 năm 2017, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)
2.9 Tài sản cố định (“TSCĐ”) (tiếp theo)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Sửa chữa lớn TSCĐ

Theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BCT-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015 (“Chế độ Kế toán EVN”), chi phí sửa chữa lớn của TSCĐ được trích trước vào giá vốn hàng bán và dự phòng phải trả dựa trên kế hoạch sửa chữa hàng năm được Hội đồng Quản trị phê duyệt. Chi phí cho các công trình sửa chữa đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được ghi nhận trên khoản mục xây dựng cơ bản dở dang trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các hạng mục này, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục xây dựng cơ bản dở dang và dự phòng phải trả. Hướng dẫn nêu trên của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so với quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 về các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng (“CMKTVN 18”) mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi một số điều kiện được thỏa mãn trong đó bao gồm điều kiện doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty nhận định so với việc áp dụng quy định của CMKTVN 18 thì việc hạch toán theo Chế độ Kế toán EVN như trên không có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2.10 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Mẫu số B 09 – DN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.12 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

2.13 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.14 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Mẫu số B 09 – DN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.15 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

2.16 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lũy kế sau thuế TNDN và sau khi đã trích các quỹ được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt tại thời điểm báo cáo.

2.17 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ như sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh.

(b) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ LNST của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Mẫu số B 09 – DN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.17 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)****(c) Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khác được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán. Quỹ được sử dụng để khen thưởng, khuyến khích và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

2.18 Ghi nhận doanh thu**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Mẫu số B 09 – DN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)****(d) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.19 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.20 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ và lỗ tỷ giá hối đoái.

2.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.22 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của kỳ hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
Mẫu số B 09 – DN
2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)
2.23 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho tổng của số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm trong kỳ.

2.24 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
Mẫu số B 09 – DN
2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)
2.26 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh số 2.9 và Thuyết minh 10).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2020	2019
	VND	VND
Tiền mặt	92.969.445	123.322.723
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	307.691.445	250.494.448
Các khoản tương đương tiền (*)	201.500.000.000	84.650.000.000
	<u>201.900.660.890</u>	<u>85.023.817.171</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng với mức lãi suất từ 3% đến 3,3%/năm (2019: 0,8% đến 4,7%/năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
Mẫu số B 09 – DN
4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH
(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	2020		2019	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
i. Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	374.650.000.000	374.650.000.000	434.650.000.000	434.650.000.000
Trái phiếu dài hạn đến hạn thanh toán (**)	8.000.000.000	8.000.000.000	-	-
	<u>382.650.000.000</u>	<u>382.650.000.000</u>	<u>434.650.000.000</u>	<u>434.650.000.000</u>
ii. Dài hạn				
Trái phiếu (**)	<u>192.000.000.000</u>	<u>192.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

(*) Số dư thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng bằng Đồng Việt Nam với lãi suất cố định từ 4,9% đến 7,1%/năm (31 tháng 12 năm 2019: từ 6,8% đến 7,1%/năm).

(**) Khoản đầu tư trái phiếu vào Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh theo Hợp đồng số 01/2020/VCSH-HĐMBTP ngày 24 tháng 4 năm 2020 và 02/2020/VCSH-HĐMBTP ngày 25 tháng 6 năm 2020 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh. Khoản trái phiếu có thời gian đáo hạn 84 tháng từ ngày phát hành với mức lãi suất áp dụng cho 4 kỳ đầu tiên của mỗi đợt phát hành là 10,5%/năm, các kỳ tiếp theo sẽ được áp dụng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam (trả lãi sau) kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng thêm 3.6%/năm. Khoản trái phiếu này được đảm bảo bằng tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải của Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn với tổng giá trị dựa theo Chứng thư thẩm định giá số 497/2019/CT-CIVS-BĐ do Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Trung - Chi nhánh Bình Định phát hành ngày 7 tháng 8 năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHIỆT BÀ RỊA
Mẫu số B 09 – DN
4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	2020		2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
i. Đầu tư vào công ty liên kết Công ty Cổ phần Thủy điện Bùn Đôn	83.750.000.000	193.563.145.500	83.750.000.000	144.865.725.000
ii. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	108.730.000.000	184.766.666.667	108.730.000.000	134.600.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	114.770.927.800	113.383.169.497 (*)	114.770.927.800	117.970.927.800
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	50.000.000.000	(*)	50.000.000.000	(*)
	<u>273.500.927.800</u>	<u>298.149.836.164</u>	<u>273.500.927.800</u>	<u>252.570.927.800</u>
			<u>Dự phòng VND</u>	
				<u>-</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ để thuyết minh trên báo cáo tài chính vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Mẫu số B 09 – DN

5 PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	2020 VND	2019 VND
Bên thứ ba	383.359.000	440.307.399
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	84.809.163.850	625.170.857.709
	<u>85.192.522.850</u>	<u>625.611.165.108</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán và đã được lập dự phòng là 361.198.599 Đồng. Theo Quyết định số 01/2020/QĐ-TBPS ngày 4 tháng 6 năm 2020, số dư khoản phải thu quá hạn này đã được xóa sổ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, không có khách hàng bên thứ ba nào có số dư chiếm hơn 10% trên tổng số dư các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn.

6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	2020		2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	17.660.477.754	-	13.684.490.612	-
Phải thu cổ tức (Thuyết minh 29(b))	2.500.000.000	-	13.364.950.000	-
Lãi dự thu trái phiếu (Thuyết minh 29(b))	2.216.666.667	-	-	-
Khác	53.797.778	-	76.650.278	-
	<u>22.430.942.199</u>	<u>-</u>	<u>27.126.090.890</u>	<u>-</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Mẫu số B 09 – DN

7 HÀNG TỒN KHO

	2020		2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nhiên liệu và vật tư	114.748.630.463	-	150.975.832.067	-
Công cụ, dụng cụ	53.439.693	-	437.009.640	-
Thành phẩm	49.317.286	-	86.163.892	-
	<u>114.851.387.442</u>	<u>-</u>	<u>151.499.005.599</u>	<u>-</u>

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2020 VND	2019 VND
Chi phí bảo trì, bảo dưỡng	14.532.954.545	-
Khác	1.069.911.935	1.392.967.303
	<u>15.602.866.480</u>	<u>1.392.967.303</u>

9 THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn phản ánh giá trị thuần (sau khi đã trừ dự phòng giảm giá) của thiết bị, vật tư, phụ tùng dùng để dự trữ, thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản nhưng không đủ tiêu chuẩn để phân loại là TSCĐ và có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Mẫu số B 09 – DN

10	TSCĐ	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
(a)	TSCĐ hữu hình						
	Nguyên giá						
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	99.343.527.907	2.433.288.063.654	33.822.591.637	43.994.502.184	860.154.790	2.611.308.840.172
	Mua trong năm	335.360.491	6.875.166.092	-	533.578.273	-	7.744.104.856
	Xóa sổ	-	(336.594.792)	-	(81.117.166)	-	(417.711.958)
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	99.678.888.398	2.439.826.634.954	33.822.591.637	44.446.963.291	860.154.790	2.618.635.233.070
	Giá trị khấu hao lũy kế						
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	72.378.229.840	2.167.017.307.686	29.722.281.862	42.089.512.267	860.154.790	2.312.067.486.445
	Khấu hao trong năm	3.225.852.900	35.244.788.750	683.262.603	789.982.096	-	39.943.886.349
	Xóa sổ	-	(336.594.792)	-	(81.117.166)	-	(417.711.958)
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	75.604.082.740	2.201.925.501.644	30.405.544.465	42.798.377.197	860.154.790	2.351.593.660.836
	Giá trị còn lại						
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	26.965.298.067	266.270.755.968	4.100.309.775	1.904.989.917	-	299.241.353.727
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	24.074.805.658	237.901.133.310	3.417.047.172	1.648.586.094	-	267.041.572.234

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 2.176.737.653.651 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 2.173.085.815.869 Đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Mẫu số B 09 – DN

10 TSCĐ (tiếp theo)

(b) TSCĐ vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	3.011.117.583	3.896.223.073	6.907.340.656
Mua trong năm	-	36.255.000	36.255.000
Xóa sổ	-	(58.363.620)	(58.363.620)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	3.011.117.583	3.874.114.453	6.885.232.036
Giá trị khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	3.011.117.583	923.034.604	3.934.152.187
Khấu hao trong năm	-	417.488.114	417.488.114
Xóa sổ	-	(58.363.620)	(58.363.620)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	3.011.117.583	1.282.159.098	4.293.276.681
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	-	2.973.188.469	2.973.188.469
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	-	2.591.955.355	2.591.955.355

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 3.830.701.219 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 3.889.064.839 Đồng).

11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2020 VND	2019 VND
Bên thứ ba		
Chi nhánh Tổng Công ty khí Việt Nam-CTCP- Công ty chế biến khí Vũng Tàu	42.702.858.953	-
Viện nghiên cứu cơ khí	10.092.840.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thanh An	5.127.832.809	5.127.832.809
Khác	3.656.338.302	278.290.965.466
	61.579.870.064	283.418.798.275
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	1.200.705.393	1.069.801.058
	62.780.575.457	284.488.599.333

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019, Công ty không có khoản phải trả người bán nào bị quá hạn thanh toán.

12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘ/PHẢI THU NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

Biến động về thuế và các khoản khác phải nộp/phải thu Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2020 VND	Số phải nộp/ phải thu trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Phân loại lại VND	Tại ngày 31.12.2020 VND
a) Phải nộp					
Thuế GTGT	-	10.376.658.407	(10.376.658.407)	-	-
Thuế TNDN	13.557.547.137	15.761.169.287	(29.203.816.984)	-	114.899.440
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.809.004.853	(4.160.123.352)	2.351.118.499	-
Thuế khác	-	1.310.189.395	(1.310.189.395)	-	-
	<u>13.557.547.137</u>	<u>29.257.021.942</u>	<u>(45.050.788.138)</u>	<u>2.351.118.499</u>	<u>114.899.440</u>
b) Phải thu					
Thuế thu nhập cá nhân	1.263.638.240	-	-	2.351.118.499	3.614.756.739
Thuế GTGT được khấu trừ	10.122.653.298	(1.786.397.198)	-	-	8.336.256.100
	<u>11.386.291.538</u>	<u>(1.786.397.198)</u>	<u>-</u>	<u>2.351.118.499</u>	<u>11.951.012.839</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Mẫu số B 09 – DN

13 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2020 VND	2019 VND
Lãi vay phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	1.096.142.095	1.179.965.549
Lãi vay phải trả cho các cổ đông khác	153.551.501	156.184.001
	<u>1.249.693.596</u>	<u>1.336.149.550</u>

14 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	2020 VND	2019 VND
Cổ tức (Thuyết minh 29(b))	5.613.434.700	5.237.415.000
Phải trả nhân viên do quyết toán thuế thu nhập cá nhân	3.685.414.113	-
Nhận ký quỹ, ký cược	440.318.540	399.033.140
Khác	648.717.702	1.207.616.556
	<u>10.387.885.055</u>	<u>6.844.064.696</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019, Công ty không có khoản phải trả khác nào bị quá hạn thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
Mẫu số B 09 – DN

15	VAY	Tại ngày 1.1.2020 VND	Tăng VND	Giảm VND	Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Tại ngày 31.12.2020 VND
(a)	Vay ngắn hạn	-	407.964.803.570	(407.964.803.570)	-	-
	Vay ngân hàng ngắn hạn					
	Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 29(b)) (*)	52.677.033.488	53.339.244.772	(52.677.033.487)	1.624.291.830	54.963.536.603
		52.677.033.488	461.304.048.342	(460.641.837.057)	1.624.291.830	54.963.536.603

(b)	Vay dài hạn	Tại ngày 1.1.2020 VND	Tăng VND	Giảm VND	Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Tại ngày 31.12.2020 VND
	Vay bên liên quan (Thuyết minh 29(b)) (*)	368.739.234.204	-	(53.339.244.772)	21.115.793.771	336.515.783.203

(*) Vay dài hạn từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo hợp đồng cho vay lại số 2015/EVN-BARIA/EDCF ngày 1/9/2015, kế thừa từ hợp đồng vốn ODA số 21/TNDN ngày 20/12/2004 giữa Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ Phát triển Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Bà Rịa - Vũng Tàu) và Nhà máy Điện Bà Rịa (nay là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa) với tổng mức nợ vay là 49.987.210.130 Won. Khoản vay này từ nguồn vốn vay quỹ hợp tác phát triển kinh tế Hàn Quốc – EDCF cho mục đích thực hiện dự án đầu tư 306-2 Nhà máy Điện Bà Rịa. Thời hạn cho vay lại là 13 năm với lãi suất 2,4%.

Số dư khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 tương đương 17.492.373.539 Won sẽ được hoàn trả dần đều trong 15 kỳ nửa năm với số tiền thanh toán mỗi kỳ là 1.249.455.253,5 Won và lần thanh toán cuối cùng của số dư còn lại 1.249.455.243,5 Won là ngày 20 tháng 11 năm 2027.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
Mẫu số B 09 – DN
16 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU
(a) Số lượng cổ phiếu

	2020 Cổ phiếu phổ thông	2019 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký, đã phát hành và đang lưu hành	60.485.600	60.485.600

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2020		2019	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Tổng Công ty Phát điện 3	48.123.557	79,56	48.123.557	79,56
Cổ đông khác	12.362.043	20,44	12.362.043	20,44
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	60.485.600	100,00	60.485.600	100,00

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Giá trị cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 và tại ngày 30 tháng 12 năm 2020	60.485.600	604.856.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

17 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	604.856.000.000	7.560.228.689	20.035.100.608	334.346.835.153	121.294.978.514	1.088.093.142.964
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	182.422.996.029	-	182.422.996.029
Chia cổ tức (Thuyết minh 18)	-	-	-	(30.242.800.000)	-	(30.242.800.000)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	(41.191.475.165)	41.191.475.165	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	(12.862.409.500)	-	(12.862.409.500)
Sử dụng quỹ	-	-	(90.086.225)	-	-	(90.086.225)
Điều chỉnh khác	-	-	-	(19.519.200)	-	(19.519.200)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	604.856.000.000	7.560.228.689	19.945.014.383	432.453.627.317	162.486.453.679	1.227.301.324.068
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	80.929.781.091	-	80.929.781.091
Chia cổ tức (Thuyết minh 18)	-	-	-	(66.534.160.000)	-	(66.534.160.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	(18.521.392.500)	-	(18.521.392.500)
Trích lập quỹ đầu tư và phát triển	-	-	-	(54.726.898.809)	54.726.898.809	-
Điều chỉnh khác	-	-	27.692.608	-	-	27.692.608
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	604.856.000.000	7.560.228.689	19.972.706.991	373.600.957.099	217.213.352.488	1.223.203.245.267

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Mẫu số B 09 – DN

18 CỔ TỨC

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	5.237.415.000	35.003.899.500
Cổ tức phải trả trong năm (Thuyết minh 17, 29(a))	66.534.160.000	30.242.800.000
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(66.158.140.300)	(60.009.284.500)
Số dư cuối năm	5.613.434.700	5.237.415.000

19 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động về quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	2.292.676.463	2.662.539.589
Trích lập trong năm	18.521.392.500	12.862.409.500
Sử dụng trong năm	(10.941.936.913)	(13.232.272.626)
Chuyển sang vốn khác	(27.692.608)	-
Số dư cuối năm	9.844.439.442	2.292.676.463

20 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2020	2019 (**)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	80.929.781.091	182.422.996.029
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(*)	(18.521.392.500)
	80.929.781.091	163.901.603.529
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	60.485.600	60.485.600
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	1.338	2.710

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được trích lập vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính 2020 do Đại hội đồng Cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào quỹ này. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
Mẫu số B 09 – DN
20 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)
(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp theo)

(**) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2019 đã được tính lại theo Nghị quyết số 550/NQ-DHDCD của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LNST cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2019		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	182.422.996.029	-	182.422.996.029
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(18.521.392.500)	(18.521.392.500)
	<u>182.422.996.029</u>	<u>(18.521.392.500)</u>	<u>163.901.603.529</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	60.485.600	-	60.485.600
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>3.016</u>	<u>(306)</u>	<u>2.710</u>

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

21 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tài sản thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang được trình bày tại Thuyết minh 30.

22 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2020 VND	2019 VND
Doanh thu		
Doanh thu thuần bán điện	745.417.845.592	1.889.250.642.162
Doanh thu thuần bán nước uống đóng chai	1.598.502.110	1.862.483.558
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	3.160.467.645	3.708.981.000
	<u>750.176.815.347</u>	<u>1.894.822.106.720</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
Mẫu số B 09 – DN
23 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2020 VND	2019 VND
Giá vốn bán điện	653.664.265.159	1.694.285.026.502
Giá vốn nước uống đóng chai đã bán	1.170.536.511	1.300.569.524
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.743.176.105	2.546.938.968
	<u>656.577.977.775</u>	<u>1.698.132.534.994</u>

24 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền gửi	37.213.467.695	42.668.546.155
Cổ tức được chia	18.383.073.605	17.062.700.000
Lợi nhuận từ trái phiếu	12.797.205.153	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.736.307.005	18.004.650.195
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	-	6.372.221.791
	<u>71.130.053.458</u>	<u>84.108.118.141</u>

25 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2020 VND	2019 VND
Lãi vay	10.264.144.419	11.465.426.144
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	22.740.085.601	-
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá các khoản đầu tư và tổn thất đầu tư	6.224.139.813	(14.001.695.060)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	18.004.650.195
	<u>39.228.369.833</u>	<u>15.468.381.279</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
Mẫu số B 09 – DN
26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	12.523.582.726	24.812.227.015
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.905.123.633	1.646.397.856
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.463.469.562	1.479.090.668
Thuế, phí và lệ phí	1.606.903.276	1.644.386.717
Chi phí khác	11.399.514.427	11.948.968.472
	<u>28.898.593.624</u>	<u>41.531.070.728</u>

27 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	96.690.950.378	223.887.102.037
Thuế tính ở thuế suất 20%	19.338.190.076	44.777.420.407
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(3.676.614.721)	(3.412.540.000)
Chi phí không được khấu trừ	80.292.199	99.225.601
Truy thu thuế của năm trước	19.301.733	-
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>15.761.169.287</u>	<u>41.464.106.008</u>
Chi phí/ (thu nhập) thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	15.761.169.287	14.857.395.417
Thuế TNDN - hoãn lại (**)	-	26.606.710.591
	<u>15.761.169.287</u>	<u>41.464.106.008</u>

(*) Chi phí thuế TNDN cho kỳ kế toán tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

(**) Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm từ các khoản sau:

	2020 VND	2019 VND
Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	26.606.710.591

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
Mẫu số B 09 – DN
28 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Công ty. Chi tiết được trình bày như sau:

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	561.129.512.043	1.585.443.481.133
Chi phí nhân viên	50.017.744.373	93.751.925.335
Chi phí khấu hao TSCĐ	40.361.374.463	37.000.591.529
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.274.321.396	17.749.508.064
Chi phí khác	17.578.905.363	5.665.070.909
	<u>685.361.857.638</u>	<u>1.739.610.576.970</u>

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Tổng Công ty Phát điện 3, một công ty được thành lập tại Việt Nam, do sở hữu 79,56% vốn điều lệ của Công ty.

Bên liên quan

Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”)
 Tổng Công ty Phát điện 3
 Công ty Mua bán điện
 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
 Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn
 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
 Công ty Tài chính cổ phần Điện lực
 Công ty Dịch vụ sửa chữa các nhà máy điện
 EVNGENCO 3
 Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh
 Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn

Mối quan hệ

Công ty mẹ tối cao
 Công ty mẹ
 Công ty thành viên cùng tập đoàn
 Công ty thành viên cùng tập đoàn
 Công ty thành viên cùng tập đoàn
 Công ty thành viên cùng tập đoàn
 Công ty thành viên cùng tập đoàn
 Công ty thành viên cùng tập đoàn
 Bên liên quan khác
 Bên liên quan khác

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
Mẫu số B 09 – DN
29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)
(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2020 VND	2019 VND
i) Doanh thu		
Doanh thu bán điện		
Công ty Mua bán điện	745.417.845.592	1.889.222.746.413
Doanh thu khác		
Công ty Dịch vụ sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO 3	2.019.908.100	3.708.981.000
ii) Mua điện		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam EVN	13.693.826.291	15.634.985.209
iii) Hoạt động tài chính		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN")		
Chi phí lãi vay	9.345.578.775	10.273.914.034
Lãi vay đã trả	9.429.402.229	10.428.966.434
Trả nợ gốc vay	49.940.726.482	49.003.635.042
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh		
Mua trái phiếu	200.000.000.000	-
Lãi trái phiếu đã nhận	10.580.538.486	-
Lãi dự thu trái phiếu	2.216.666.667	-
iv) Chia cổ tức (Thuyết minh 18)		
Tổng Công ty Phát điện 3	52.935.912.700	24.061.778.500
Cổ đông khác	13.598.247.300	6.181.021.500
	66.534.160.000	30.242.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
Mẫu số B 09 – DN
29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)
(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2020 VND	2019 VND
v) Thu nhập cổ tức		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	13.500.000.000	12.500.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	2.813.408.205	4.562.700.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	2.069.665.400	-
	18.383.073.605	17.062.700.000
vi) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Chủ tịch Hội đồng Quản trị (2 người)	157.178.000	768.648.000
Tổng Giám đốc (1 người)	194.540.000	369.747.000
Phó Tổng Giám đốc phụ trách (1 người)	123.172.000	382.114.000
Phó Tổng Giám đốc (2 người)	519.193.000	922.625.000
Kế toán trưởng (1 người)	272.848.000	601.284.000
Thành viên Hội đồng Quản trị không trực tiếp SX	104.664.000	238.464.000
Ban kiểm soát		
Thành viên không trực tiếp tham gia SXKD	104.664.000	238.464.000
Trưởng ban kiểm soát chuyên trách	166.593.000	650.302.000
	1.642.852.000	4.171.648.000
(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan		
	2020 VND	2019 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty Mua bán Điện	83.477.888.850	621.090.978.609
Công ty Dịch vụ sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO 3	1.331.275.000	4.079.879.100
	84.809.163.850	625.170.857.709
ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 4(a))		
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	200.000.000.000	-
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	20.000.000.000	-
	220.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Mẫu số B 09 – DN

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)
(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2020 VND	2019 VND
iii) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 6)		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	2.500.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	2.216.666.667	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	-	8.364.950.000
	<u>4.716.666.667</u>	<u>13.364.950.000</u>
iv) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 11)		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam EVN	<u>1.200.705.393</u>	<u>1.069.801.058</u>
v) Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 13)		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam EVN	<u>1.096.142.095</u>	<u>1.179.965.549</u>
vi) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 14)		
Cổ đông khác	<u>5.613.434.700</u>	<u>5.237.415.000</u>
vii) Vay ngắn hạn (Thuyết minh 15)		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam EVN	<u>54.963.536.603</u>	<u>52.677.033.488</u>
viii) Vay dài hạn (Thuyết minh 15)		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam EVN	<u>336.515.783.203</u>	<u>368.739.234.204</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Mẫu số B 09 – DN

30 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	Thuê đất	
	2020 VND	2019 VND
Dưới 1 năm	3.994.862.599	1.273.866.000
Từ 1 đến 5 năm	15.979.450.396	5.201.619.500
Trên 5 năm	117.182.636.237	39.171.379.500
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>137.156.949.232</u>	<u>45.646.865.000</u>

31 BẢO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng. Rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về lĩnh vực kinh doanh mà Công ty cung cấp hoặc do khu vực địa lý mà Công ty hoạt động. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là các lĩnh vực kinh doanh khác của Công ty không có ảnh hưởng đáng kể theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

32 NỢ TIẾM TÀNG

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty phải lập dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục phát sinh khi hoàn trả mặt bằng và đất thuê theo quy định và chính sách áp dụng đối với ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo đó, Công ty có nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê hoặc thời hạn kết thúc dự án. Tại ngày báo cáo tài chính này, Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng này do chưa đủ thông tin cần thiết để lập dự phòng hoàn nguyên môi trường đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Báo cáo tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc duyệt ngày 28 tháng 3 năm 2021.





Huỳnh Thị Huyền Trang
 Người lập/ Phó phòng Tài chính Kế toán

Lê Văn Huy
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN | 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA



Bà Rịa, ngày 20 tháng 4 năm 2021
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
Tổng Giám đốc



LÊ VĂN HUY